

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT**

**Môn:
LUẬT QUỐC TẾ
(Công pháp quốc tế)**

Lưu hành nội bộ
Năm 2009

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

CHƯƠNG I

**KHÁI QUÁT CHUNG VỀ
LUẬT QUỐC TẾ**



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

NỘI DUNG CHÍNH

I. Khái niệm

1. Sự hình thành luật quốc tế
2. Đặc điểm của luật quốc tế
3. Lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế
4. Vai trò của luật quốc tế

II. Quy phạm pháp luật quốc tế

III. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Sự hình thành luật quốc tế

I. Khái niệm

- a. Nguồn gốc của luật quốc tế - Nguồn gốc vật chất
- b. Thuật ngữ “Luật quốc tế”
- c. Định nghĩa Luật quốc tế



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Sự hình thành luật quốc tế I. Khái niệm

a. Nguồn gốc của luật quốc tế - Nguồn gốc vật chất

- Luật quốc tế bắt đầu xuất hiện khi giữa các Nhà nước có sự thiết lập quan hệ bang giao với nhau.
- Lúc đầu chỉ là quan hệ mang tính chất khu vực và bó hẹp trong một số lĩnh vực nhất định như chiếm đoạt tài sản, chiến tranh, cướp bóc nô lệ của nhau...

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Sự hình thành luật quốc tế I. Khái niệm

- Dần dần những quan hệ giữa các quốc gia được mở rộng, vượt ra khỏi phạm vi khu vực và phát triển thành các quan hệ có tính chất liên khu vực hay cộng đồng quốc tế và đương nhiên những quan hệ này phải được điều chỉnh bằng hệ thống các quy phạm tương ứng khác với các quy phạm của luật quốc gia với tên gọi là Luật quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Sự hình thành luật quốc tế I. Khái niệm

b. Thuật ngữ “Luật quốc tế”

- Trong Nhà nước chiếm hữu nô lệ La Mã, xuất hiện một khái niệm mới “ luật vạn dân” (jus gentium).
- Đến thế kỷ XVI nhà luật học Tây Ban Nha, Phơ – răng – xi- sko Vích to- ri- a đưa ra thuật ngữ *luật giữa các dân tộc* (jus inter gentes)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Sự hình thành luật quốc tế I. Khái niệm

- Năm 1784 nhà triết học người Anh – J Bentham đã đưa ra thuật ngữ Luật quốc tế trong tác phẩm *Các nguyên tắc đạo đức và pháp luật*.
- Ngoài ra, trong sách bài của một số nước còn dùng thuật ngữ khác, tên gọi khác nữa của luật quốc tế như các thuật ngữ Luật các nước; Luật giữa các nước; luật nội ngoại...

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Sự hình thành luật quốc tế I. Khái niệm

Phân biệt:

- + Luật quốc tế với ngành luật khác: nhiều chính các quan hệ mang tính chất dân luật có yếu tố nước ngoài tham gia gọi là "Tổ pháp quốc tế"?
- + Luật quốc tế hiện nay; Luật quốc tế chung; luật quốc tế xã hội chủ nghĩa; Luật quốc tế khu vực?

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Sự hình thành luật quốc tế I. Khái niệm

c. Định nghĩa

Luật quốc tế hiện đại là hệ thống những nguyên tắc, những qui phạm pháp luật, được các quốc gia và các chủ thể khác tham gia quan hệ pháp luật quốc tế xây dựng nên trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, thông qua đấu tranh và thương lượng, nhằm điều chỉnh mối quan hệ nhiều mặt

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Sự hình thành luật quốc tế I. Khái niệm

(chủ yếu là quan hệ chính trị) giữa các chủ thể của Luật quốc tế với nhau (trước tiên và chủ yếu là các quốc gia) và khi cần thiết, được bảo đảm thực hiện bằng những biện pháp cưỡng chế cá thể hoặc tập thể do chính các chủ thể của Luật quốc tế thi hành, và bằng sức đấu tranh của nhân dân và dư luận tiến bộ thế giới.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế I. Khái niệm

- Trình tự xây dựng các quy phạm luật quốc tế
- Đối tượng điều chỉnh của Luật quốc tế
- Chủ thể của Luật quốc tế
- Biện pháp bảo đảm thi hành luật quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế **I. Khái niệm**

- Trình tự xây dựng các quy phạm luật quốc tế

- + Không có cơ quan lập pháp để xây dựng các qui phạm pháp luật của Luật quốc tế.
- + Con đường hình thành Luật quốc tế là sự thỏa thuận giữa các quốc gia dưới hình thức ký kết các điều ước quốc tế hoặc cùng nhau thừa nhận các tập quán quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế **I. Khái niệm**

- Đối tượng điều chỉnh của Luật quốc tế

Đối tượng điều chỉnh của Luật quốc tế là những quan hệ hợp tác giữa các quốc gia ở cấp độ chính phủ hoặc trong khuôn khổ của các tổ chức quốc tế liên quốc gia. Những quan hệ trên diễn ra giữa các chủ thể của Luật quốc tế (quốc gia, tổ chức quốc tế liên quốc gia, dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết..)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế I. Khái niệm

- Chủ thể của Luật quốc tế

* Dấu hiệu:

- + Tham gia vào những quan hệ quốc tế do Luật quốc tế điều chỉnh
- + Có ý chí độc lập
- + Có đầy đủ quyền và nghĩa vụ luật quốc tế;
- + Có khả năng độc lập gánh vác những trách nhiệm pháp lý quốc tế do những hành vi của chủ thể đó gây ra.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế I. Khái niệm

- * Các loại chủ thể Luật quốc tế
 - Quốc gia
 - Các tổ chức quốc tế liên chính phủ (liên quốc gia)
 - Các dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế I. Khái niệm

Quốc gia

Theo quy định tại Điều 1 của Công ước Montevideo 1933 về quyền và nghĩa vụ của quốc gia thì quốc gia bao gồm các yếu tố cơ bản sau: Dân cư ổn định; có lãnh thổ; chính phủ; khả năng tham gia vào các quan hệ pháp lý quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế I. Khái niệm

Các tổ chức quốc tế liên chính phủ

- + Thành viên của tổ chức quốc tế chủ yếu là các quốc gia.
- + Thành lập và hoạt động trên cơ sở Điều ước quốc tế.
- + Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, phù hợp để thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý quốc tế nhằm thực hiện mục đích đã đề ra.
- + Có quyền năng chủ thể riêng biệt.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế I. Khái niệm

Các dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết

Dân tộc là một cộng đồng nhiều người, khối ổn định chung, được hình thành trong một quá trình lịch sử lâu dài, sinh ra trên cơ sở một ngôn ngữ chung, một lãnh thổ chung, và được biểu hiện trong một nền văn hóa chung.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế I. Khái niệm

Đặc trưng:

- + Bị nô dịch từ một quốc gia hay một dân tộc khác
- + Tồn tại trên thực tế một cuộc đấu tranh với mục đích thành lập một quốc gia độc lập
- + Có cơ quan lãnh đạo phong trào đại diện cho dân tộc đó trong quan hệ quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế I. Khái niệm

- **Biện pháp bảo đảm thi hành luật quốc tế**



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế I. Khái niệm

- + Các chủ thể luật quốc tế tự thực hiện biện pháp bảo đảm thi hành bằng việc thỏa thuận qui định các biện pháp cưỡng chế riêng lẻ hay tập thể với điều kiện phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm của luật quốc tế **I. Khái niệm**

+ Những loại chế tài được áp dụng nhằm trừng phạt các hành vi vi phạm pháp luật quốc tế rất khác nhau. Ở mức độ nhẹ là xin lỗi, phục hồi danh dự. Ở mức độ nặng là hủy bỏ điều ước quốc tế, cắt đứt quan hệ ngoại giao, trả đũa, giáng trả (để tự vệ)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3.Lịch sử hình thành và phát triển **I. Khái niệm**

- Luật quốc tế thời kỳ chiếm hữu nô lệ (cổ đại)
- Luật quốc tế thời kỳ phong kiến (trung đại)
- Luật quốc tế thời kỳ tư bản chủ nghĩa (cận đại)
- Luật quốc tế thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội (hiện đại).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

4. Vai trò của luật quốc tế

I. Khái niệm

- Là công cụ điều chỉnh các quan hệ quốc tế nhằm bảo vệ lợi ích của mỗi chủ thể của luật quốc tế trong quan hệ quốc tế.
- Là công cụ, là nhân tố quan trọng nhất để bảo vệ hòa bình và an ninh quốc tế.
- Có vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển văn minh của nhân loại, thúc đẩy cộng đồng quốc tế phát triển theo hướng ngày càng văn minh.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

4. Vai trò của luật quốc tế

I. Khái niệm

- Thúc đẩy việc phát triển các quan hệ hợp tác quốc tế đặc biệt là quan hệ kinh tế quốc tế trong bối cảnh hiện nay.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Khái niệm

II. Quy phạm pháp luật quốc tế

Quy phạm Luật quốc tế là quy tắc xử sự do các quốc gia và chủ thể khác của Luật quốc tế thỏa thuận xây dựng nên hoặc cùng nhau thỏa nhận giải trừ pháp lý ràng buộc của chúng.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Phân loại

II. Quy phạm pháp luật quốc tế

- Quy phạm phổ cập:
- Quy phạm khu vực
- Quy phạm mệnh lệnh
- Quy phạm tùy nghi

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Cơ sở tồn tại mối quan hệ III. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia

***Theo quan niệm truyền thống**

Thuyết nhất nguyên luận.

- Trông phải ưu tiên pháp luật trong nước, trông phải nảy ra nỗi cuối thế kỷ 19, cho rằng pháp luật quốc tế không là pháp luật nổi ngoài của quốc gia, coi luật quốc tế không là một bộ phận của pháp luật quốc gia, một ngành luật của luật quốc gia và phải thuộc vào luật quốc gia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Cơ sở tồn tại mối quan hệ III. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia

- Trông phải ưu tiên pháp luật quốc tế ra nỗi sau chiến tranh thế giới thứ hai. Người nhà xöông là H.Kelsen – Luật gia người Mỹ Những người theo học thuyết này coi luật quốc tế có hiệu lực cao hơn luật quốc gia, quyết định pháp luật quốc gia, luật quốc gia phải thuộc vào luật quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Cơ sở tồn tại mối quan hệ III. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia

Thuyết nhò nguyên luận.

- Ra đời cuối thế kỷ XVIII. Nổi danh cho học thuyết này là luật gia người Đức H. Tripell và luật gia người Italia D. Ancilotti.
- Pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia là hai hệ thống pháp luật khác nhau, độc lập với nhau, song song tồn tại và phát triển giữa chúng không có mối quan hệ đồng hoặ tác động quan lại lẫn nhau.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Cơ sở tồn tại mối quan hệ III. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia

* Theo quan niệm mới

Dưới góc độ lý luận, phải hiểu được cơ sở của việc tồn tại mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia để từ đó đánh giá được tính chất, nội dung của mối quan hệ đó diễn ra như thế nào trong quá trình thực thi pháp luật. Cơ sở tồn tại của mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia phải được xem xét từ góc độ Lý luận về Nhà nước và pháp luật.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Tác động qua lại

III. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia

- **Ảnh hưởng của pháp luật trong nước đối với pháp luật quốc tế**
- + Luật quốc tế thể hiện nội dung của pháp luật trong nước.
- + Ngoài ra luật trong nước còn đóng vai trò là phương tiện để thực hiện luật quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Tác động qua lại

III. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia

- **Ảnh hưởng của pháp luật quốc tế đối với pháp luật trong nước.**
- + Ảnh hưởng ngược trở lại của luật quốc tế đến luật quốc gia cũng có vai trò quan trọng và mang tính chất thúc đẩy sự phát triển, hoàn thiện pháp luật quốc gia.
- + Luật quốc tế thể hiện rất nhiều sự tiến bộ, nhiều thành tựu mới của khoa học pháp lý hiện đại.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Giải quyết mối quan hệ **III. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia**

- Về nguyên tắc, luật quốc tế không có hiệu lực trực tiếp trên lãnh thổ của quốc gia, để áp dụng các quy phạm của luật quốc tế, các quốc gia phải trải qua một giai đoạn chuyển hóa luật quốc tế vào luật quốc gia (nội luật hóa).
- Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của luật quốc tế và luật trong nước khi

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Giải quyết mối quan hệ **III. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia**

giải quyết một lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của luật trong nước, khi đó các quốc gia sẽ phải áp dụng các quy định ghi nhận trong các điều ước quốc tế và các tập quán quốc tế. Các quốc gia không được viện dẫn pháp luật quốc gia, kể cả hiến pháp để từ chối thực hiện các cam kết quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Giải quyết mối quan hệ III. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia

- Pháp luật Việt Nam thừa nhận ưu thế của các quy phạm điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia bên cạnh quy phạm pháp luật trong nước.
- Cụ thể trong Khoản 1 Điều 6 Luật ký kết gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 có hiệu lực ngày 1.1.2006

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

CHƯƠNG 2

CÁC NGUYÊN TẮC CỦA LUẬT QUỐC TẾ



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

NỘI DUNG CHÍNH

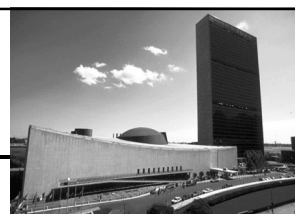
I. Khái niệm các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế

1. Định nghĩa
2. Đặc điểm
3. Vai trò

II. Hệ thống các nguyên tắc

1. Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia
2. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM



3. Nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế
4. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác
5. Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau:
6. Nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết
7. Nguyên tắc tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế (Pacta sunt servanda)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Định nghĩa**I. Khái niệm**

Nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế là những quan điểm, tư tưởng chính trị pháp lý cơ bản, có tính chất chỉ đạo, bao trùm và là cơ sở để xây dựng và thi hành luật quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

2. Đặc điểm**I. Khái niệm**

- Là những nguyên tắc có giá trị pháp lý cao nhất, mang tính bắt buộc chung
- Là những quy phạm mang tính chất phổ biến (được thừa nhận rộng rãi nhất)
- Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế không xuất hiện liền một lúc với nhau mà được hình thành dần dần trong từng giai đoạn phát triển của luật quốc tế.
- Có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau trong một chỉnh thể thống nhất

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

3. Vai trò

I. Khái niệm

- Là cơ sở để xây dựng và duy trì trật tự pháp lý quốc tế
- Là cơ sở để xây dựng các quy phạm điều ước và quy phạm tập quán
- Là cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền lợi của các chủ thể luật quốc tế tham gia quan hệ pháp lý quốc tế
- Là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp quốc tế
- Là căn cứ pháp lý để các chủ thể luật quốc tế đấu tranh chống lại các hành vi vi phạm luật quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

1. Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Khái niệm chủ quyền quốc gia

Chủ quyền quốc gia là thuộc tính chính trị - pháp lý vốn có của quốc gia, thể hiện quyền tối cao của quốc gia trong lãnh thổ của mình và quyền độc lập trong quan hệ quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

1. Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Nội dung
- + Bình đẳng về địa vị pháp lý
- + Bình đẳng tham gia các quan hệ pháp lý quốc tế
- + Bình đẳng trong việc thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Khái niệm vũ lực trong quan hệ quốc tế
- + Thuật ngữ vũ lực được hiểu trước tiên là sức mạnh vũ trang. Do đó, sử dụng vũ lực (use of force) chính là sử dụng lực lượng vũ trang (use of armed force) để chống lại quốc gia độc lập có chủ quyền.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực

II. Hệ thống những nguyên tắc

+ Việc sử dụng các biện pháp khác như kinh tế, chính trị (phi vũ trang) chỉ được coi là dùng vũ lực nếu kết quả của nó dẫn đến việc sử dụng vũ lực (gián tiếp sử dụng vũ lực).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

2. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực

II. Hệ thống những nguyên tắc

+ **Những hành động dùng lực lượng vũ trang không nhằm tấn công xâm lược nhưng để gây sức ép, đe dọa quốc gia khác như tập trung quân đội (hải, lục, không quân)**

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

2. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực

II. Hệ thống những nguyên tắc

với số lượng lớn ở biên giới giáp với các quốc gia khác; tập trận ở biên giới nhằm biểu dương lực lượng đe dọa quốc gia láng giềng; gửi tới hậu thư đe dọa quốc gia khác ... được coi là đe dọa dùng vũ lực.



Luật Tp.HCM

2. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Khái niệm xâm lược: theo nghĩa rộng bao gồm: xâm lược vũ trang (xâm lược trực tiếp); xâm lược gián tiếp; xâm lược tư tưởng.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

2. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Nghĩa xâm lược theo Nghị quyết số 3314 ngày 12/4/1974)
- Nội dung của nguyên tắc
- + Cấm xâm chiếm lãnh thổ quốc gia hoặc dùng lực lượng vũ trang vượt qua biên giới tiến vào lãnh thổ quốc gia khác

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực

II. Hệ thống những nguyên tắc

- + Cấm cho quân vượt qua giới tuyến quốc tế, trong đó có giới tuyến ngừng bắn hoặc giới tuyến hòa giải.
- + Cấm các hành vi đe dọa, trấn áp bằng vũ lực.
- + Không cho phép các quốc gia khác dùng lãnh thổ của mình để tiến hành xâm lược chống nước thứ ba.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực

II. Hệ thống những nguyên tắc

- + Cấm tổ chức, khuyến khích, xúi giục, giúp đỡ hay tham gia vào nội chiến hay các hành vi khủng bố tại các quốc gia khác.
- + Không tổ chức hoặc giúp đỡ các nhóm vũ trang, lính đánh thuê đột nhập vào phá hoại trong lãnh thổ quốc gia khác.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Những trường hợp ngoại lệ của nguyên tắc
- + Tham gia vào lực lượng liên quân theo quy định của HĐBA trong trường hợp có sự đe dọa hòa bình, phá hoại hòa bình hoặc hành vi xâm lược (Đ. 39 Hiến chương LHQ)
- + Khi quốc gia thực hiện quyền tự vệ cá thể hoặc tập thể trong trường hợp bị tấn công vũ trang (Đ. 51 Hiến chương LHQ)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực

II. Hệ thống những nguyên tắc

+ Các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc
được quyền sử dụng vũ lực để tự
giải phóng mình (nguyên tắc quyền
dân tộc tự quyết)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

3. Nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế

II. Hệ thống những nguyên tắc

- *Khái niệm tranh chấp quốc tế*

Là những bất đồng, xung đột giữa các
chủ thể của luật quốc tế về những
vấn đề liên quan đến lợi ích của họ

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

3. Nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Khái niệm về các biện pháp hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế

Là các phương tiện, cách thức mà các chủ thể của pháp luật quốc tế có nghĩa vụ phải sử dụng để giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên cơ sở nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế để duy trì hòa bình, an ninh quốc tế, phát triển mối quan hệ hòa bình, hợp tác giữa các nước.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Nội dung của nguyên tắc
- + Tất cả các quốc gia sẽ giải quyết các tranh chấp quốc tế với những quốc gia khác bằng các biện pháp hòa bình mà không làm phương hại đến hòa bình, an ninh và công lý quốc tế.
- + Trong trường hợp không đạt được một giải pháp để giải quyết tranh chấp bằng bất kỳ biện pháp đã nêu ở trên, các

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế

II. Hệ thống những nguyên tắc

bên trong tranh chấp có nghĩa vụ tiếp tục tìm kiếm những biện pháp hòa bình khác để giải quyết tranh chấp mà các bên thỏa thuận.

- + Các quốc gia trong tranh chấp cũng như các quốc gia khác sẽ từ bỏ bất kỳ hành vi nào có thể sẽ làm trầm trọng thêm tình hình hiện tại gây nguy hiểm cho việc gìn giữ hòa bình và an ninh thế giới, và sẽ hành động phù hợp với những mục đích và nguyên tắc của Liên hợp quốc.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Các tranh chấp quốc tế được giải quyết trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng chủ quyền của các quốc gia và phù hợp với nguyên tắc tự do lựa chọn các cách thức giải quyết tranh chấp. Sự đồng ý, hoặc sự chấp nhận về quá trình giải quyết mà các quốc gia tự nguyện đồng ý đối với các tranh chấp đang tồn tại hoặc trong tương lai mà các bên liên quan sẽ không được coi là vi phạm nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

4. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ...

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Khái niệm công việc nội bộ của các quốc gia
- + Công việc nội bộ là công việc nằm trong thẩm quyền giải quyết của mỗi quốc gia độc lập xuất phát từ chủ quyền của mình.
- + Công việc nội bộ của quốc gia bao gồm cả công việc đối nội và công việc đối ngoại.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

4. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ...

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Khái niệm can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác
- + Can thiệp trực tiếp: dùng áp lực quân sự, chính trị, kinh tế,... và các biện pháp khác khống chế quốc gia khác trong việc thực hiện các quyền thuộc chủ quyền để nhằm ép buộc quốc gia đó phải phụ thuộc vào mình.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

4. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ...

II. Hệ thống những nguyên tắc

- + Can thiệp gián tiếp: là các biện pháp quân sự, kinh tế - tài chính,... do quốc gia tổ chức, khuyến khích các phần tử phá hoại hoặc khủng bố nhằm mục đích lật đổ chính quyền hợp pháp của quốc gia đó hoặc gây mất ổn định cho tình hình chính trị, kinh tế, xã hội nước này.
- + Nội dung của nguyên tắc

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

4. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ...

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Các trường hợp ngoại lệ
- + Khi có xung đột vũ trang nội bộ ở quốc gia nào đó, nếu cuộc xung đột này đã đạt đến mức độ nghiêm trọng mà nếu tiếp tục kéo dài sẽ gây ra mất ổn định trong khu vực, đe dọa hòa bình và an ninh thế giới thì HĐBA LHQ được quyền "can thiệp" trực tiếp hoặc gián tiếp.
- + Khi có vi phạm nghiêm trọng các quyền cơ bản của con người, HĐBA LHQ có quyền "can thiệp" để đảm bảo thực hiện quyền con người ở quốc gia vi phạm.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

4. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ...

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Khái niệm công việc nội bộ của các quốc gia
- + Công việc nội bộ là công việc nằm trong thẩm quyền giải quyết của mỗi quốc gia độc lập xuất phát từ chủ quyền của mình.
- + Công việc nội bộ của quốc gia bao gồm cả công việc đối nội và công việc đối ngoại.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

5. Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Sự hình thành nguyên tắc
 - Nội dung của nguyên tắc
- Theo Tuyên bố ngày 24/10/1970, nguyên tắc này bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:
- + Mọi quốc gia sẽ hợp tác với các quốc gia khác để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

5. Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau **II. Hệ thống những nguyên tắc**

- + Mọi quốc gia sẽ hợp tác để khuyến khích sự tôn trọng và tuân thủ các quyền con người và tự do cơ bản trên toàn thế giới và trong việc loại trừ tất cả các hình thức phân biệt về sắc tộc và tôn giáo
- + Mọi quốc gia sẽ thực hiện các quan hệ quốc tế của mình trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, kỹ thuật và thương mại phù hợp với nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

5. Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau **II. Hệ thống những nguyên tắc**

- + Các quốc gia là thành viên của Liên hợp quốc có nghĩa vụ hành động tập thể hoặc riêng rẽ để hợp tác với Liên hợp quốc phù hợp với những điều khoản tương ứng của Hiến chương Liên hợp quốc
- + Các quốc gia nên hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội cũng như khoa học và công nghệ và đối với việc phát triển sự tiến bộ về văn hóa và giáo dục trên thế giới. Các quốc gia nên hợp tác để phát triển kinh tế trên toàn thế giới, đặc biệt đối với các nước đang phát triển.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

6. Nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Sự hình thành nguyên tắc
- Nội dung của nguyên tắc

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

7. Nguyên tắc tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế

II. Hệ thống những nguyên tắc

- Sự hình thành nguyên tắc
- Nội dung của nguyên tắc
- Các trường hợp ngoại lệ
- + Điều ước quốc tế được ký kết vi phạm những qui định của pháp luật quốc gia của các quốc gia tham gia về thẩm quyền và thủ tục ký kết.
- + Nội dung của điều ước trái với mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc hoặc những nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

7. Nguyên tắc tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế

II. Hệ thống những nguyên tắc

- + Điều ước quốc tế được ký kết không trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng
- + Khi những điều kiện để thi hành cam kết quốc tế đã thay đổi một cách cơ bản (resbus sic stantibus) → chỉ đặt ra khi có sự thay đổi chủ thể của Luật quốc tế.
- + Khi một bên không thực hiện nghĩa vụ điều ước của mình
- + Khi xảy ra chiến tranh (trừ các cam kết về lãnh thổ quốc gia, biên giới quốc gia,...)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

CHƯƠNG 3

NGUỒN CỦA LUẬT QUỐC TẾ



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

NỘI DUNG CHÍNH

I. Khái niệm nguồn của luật quốc tế

1. Định nghĩa
2. Cơ sở pháp lý

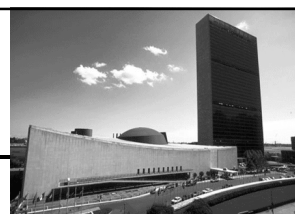
II. Điều ước quốc tế

1. Khái niệm Điều ước quốc tế
2. Ký kết Điều ước quốc tế

III. Tập quán quốc tế

1. Khái niệm
2. Con đường hình thành
3. Hiệu lực

Th.S Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM



IV. Các phương tiện bổ trợ nguồn

1. Các nguyên tắc pháp luật chung
2. Nghị quyết của các tổ chức quốc tế liên chính phủ
3. Phán quyết của Tòa án quốc tế
4. Học thuyết về luật quốc tế
5. Hành vi đơn phương của quốc gia

V. Mối quan hệ giữa các loại nguồn

Th.S Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Định nghĩa nguồn của LQT I. Khái niệm

Nguồn của Luật quốc tế được hiểu là những hình thức biểu hiện sỡ tồn tại của những quy phạm luật quốc tế do các chủ thể của luật quốc tế thỏa thuận xây dựng nên.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Cơ sở pháp lý I. Khái niệm

- Khoản 1 Điều 38 ghi nhận rằng:
"Toán an có nhiệm vụ giải quyết các tranh chấp
nổi ra trước tòa trên cơ sở Luật quốc tế sẽ áp
dùng:
- + Công ước quốc tế chung hoặc riêng, trong đó có
các quy tắc nổi của các quốc gia tranh chấp thỏa
nhận rõ ràng ;
- + Tập quán quốc tế nếu một chứng cứ tiên
chung, nổi thỏa nhận là quy phạm pháp luật;

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Cơ sở pháp lý

I. Khái niệm

- + Những nguyên tắc pháp luật chung nội các dân tộc và minh thỏa nhận;
- + Với bài lỗi tại Điều 59, phần quyết của tòa án và hoặc thuyết của chuyên gia có chuyên môn cao nhất về công pháp quốc tế của các dân tộc khác nhau nội coi là "phông tiền bối" rồi nên xác định quy phạm pháp luật".

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Khái niệm ĐU'QT

II. Điều ước quốc tế

- a. Định nghĩa
- b. Phân loại ĐU'QT
- c. Điều kiện trở thành nguồn
- d. Hình thức của ĐU'QT
- e. Vai trò của ĐU'QT

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Khái niệm ĐU'QT**II. Điều ước quốc tế**

-
- a. Định nghĩa
 - b. Phân loại ĐU'QT
 - c. Điều kiện trở thành nguồn
 - d. Hình thức của ĐU'QT
 - e. Vai trò của ĐU'QT

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

a. Định nghĩa**II. Điều ước quốc tế**

-
- Điều ước quốc tế là văn bản pháp lý quốc tế do các chủ thể của luật quốc tế thỏa thuận xây dựng nên, nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ với nhau trong bang giao quốc tế phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế hiện tại.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

a. Định nghĩa**II. Điều ước quốc tế**

Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 của Việt Nam quy định: “điều ước quốc tế mà nước CHXHCNVN ký kết hoặc gia nhập là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh chính phủ nước CHXHCNVN với một hoặc nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế, không phụ thuộc vào tên gọi là Hiệp ước, Công ước, Hiệp định, Định ước, Thỏa thuận, Nghị định thư, Bản ghi nhớ, Công hàm trao đổi hoặc văn kiện có tên gọi khác”.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

b. Phân loại**II. Điều ước quốc tế**

- Căn cứ vào số lượng chủ thể tham gia có 2 loại:
 - + Điều ước quốc tế song phương
 - + Điều ước quốc tế đa phương
- Căn cứ vào lĩnh vực nội dung của điều ước:
 - + Điều ước quốc tế về chính trị

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

b. Phân loại**II. Điều ước quốc tế**

-
- + Điều ước quốc tế về hòa
 - + Nhiều lĩnh vực về kinh tế
 - + Nhiều lĩnh vực về văn hóa – Khoa học kỹ thuật
 - Căn cứ vào quyền năng chủ thể, bao gồm:
 - + Điều ước ký kết giữa các quốc gia
 - + Điều ước giữa các tổ chức quốc tế
 - + Điều ước giữa quốc gia với tổ chức quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Điều kiện trở thành nguồn**II. Điều ước quốc tế**

-
- Điều ước quốc tế phải được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các chủ thể.
 - Điều ước quốc tế được ký kết phù hợp với quy định của pháp luật của các bên ký kết và thẩm quyền và thủ tục ký kết.
 - Điều ước quốc tế được ký kết phải có nội dung phù hợp với nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

e. Vai trò của ĐU'QT**II. Điều ước quốc tế**

-
- Là hình thức pháp lý chứa đựng các quy phạm pháp luật quốc tế.
 - Là công cụ, phương tiện quan trọng để duy trì và tăng cường các quan hệ hợp tác quốc tế trên hầu khắp các lĩnh vực của các chủ thể luật quốc tế.
 - Là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể luật quốc tế.
 - Là công cụ để tiến hành pháp điển hóa luật quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

2. Ký kết ĐU'QT**II. Điều ước quốc tế**

-
- a. Chủ thể ký kết
 - b. Đại diện trực tiếp tham gia ký kết ĐU'QT
 - c. Trình tự ký kết ĐU'QT

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

a. Chủ thể ký kết ĐUQT**II. Điều ước quốc tế****- Các quốc gia**

- + Trong hầu hết các trường hợp quốc gia đều trực tiếp thực hiện thẩm quyền ký kết điều ước quốc tế.
- + Cụ thể, quốc gia có thể chuyển một phần hoặc toàn bộ thẩm quyền ký kết cho một quốc gia hay một tổ chức quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

a. Chủ thể ký kết ĐUQT**II. Điều ước quốc tế****- Các tổ chức quốc tế**

- + Tổ chức quốc tế có thể ký kết các điều ước quốc tế với các quốc gia hoặc với các tổ chức quốc tế khác.
- + Thẩm quyền này của tổ chức quốc tế xuất phát từ quyền năng chủ thể luật quốc tế của các tổ chức quốc tế và thường được ghi nhận trong Hiến chương và các văn bản pháp lý khác của tổ chức quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

**b. Đại diện trực tiếp ký kết
ĐUQT**

II. Điều ước quốc tế

- Đại diện đương nhiên

- + Nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu chính phủ, bộ trưởng bộ ngoại giao trong mọi hành động liên quan đến việc ký kết điều ước quốc tế.
- + Người đứng đầu các cơ quan đại diện ngoại giao trong việc thông quan văn bản của một điều ước quốc tế giữa nước cử cơ quan đại diện và nước sở tại.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

**b. Đại diện trực tiếp ký kết
ĐUQT**

II. Điều ước quốc tế

- + Những người thay mặt cho quốc gia mình tại một hội nghị quốc tế hoặc tại tổ chức quốc tế trong việc thông qua văn bản của một điều ước quốc tế trong khuôn khổ của hội nghị hoặc tổ chức đó.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

b. Đại diện trực tiếp ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

- Theo pháp luật Việt Nam đại diện trong nhiên bao gồm:
 - + Chủ tịch nước;
 - + Thủ tướng Chính phủ;
 - + Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;
 - + Ông/nhà ngoại (gồm: người đứng đầu cơ quan nhà nước ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, người đứng đầu phái đoàn nhà nước thông trực).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

b. Đại diện trực tiếp ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

- Đại diện được ủy quyền

Đại diện được ủy quyền là những người được cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho họ để tham gia vào quá trình ký kết điều ước quốc tế. Đại diện được ủy quyền phải xuất trình thư ủy nhiệm thích hợp khi tham gia ký kết điều ước quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

**b. Đại diện trực tiếp ký kết
ĐUQT**

II. Điều ước quốc tế

Theo Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế 2005 quy định:

- + Trưởng đoàn đàm phán điều ước quốc tế do Chủ tịch nước ký với người ứng đầu Nhà nước khác phải được Chủ tịch nước ủy quyền bằng văn bản.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

**b. Đại diện trực tiếp ký kết
ĐUQT**

II. Điều ước quốc tế

- + Trưởng đoàn đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ hoặc nhân danh Nhà nước do Chính phủ quyết định đàm phán, ký kết phải được Chính phủ ủy quyền bằng văn bản.
- + Trưởng đoàn tham dự hội nghị quốc tế phải được Chính phủ ủy nhiệm bằng văn bản.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

b. Đại diện trực tiếp ký kết**ĐUỢT****II. Điều ước quốc tế****MẪU THƯ ỦY NHIỆM RIÊNG**

Ông (bà)(họ tên và chức vụ) sau đây sẽ được trao toàn quyền nhân danh Chính phủ nước.....(tên nước), để ký (cần hoặc không phải phê chuẩn) đối với điều ước.....đã được ký / thông qua tại.....ngày.....tháng.....năm.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

Chữ ký (họ tên và chức vụ)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

b. Đại diện trực tiếp ký kết**ĐUỢT****II. Điều ước quốc tế****THƯ ỦY NHIỆM CHUNG**

Ông (bà)(họ tên và chức vụ) sau đây sẽ được trao toàn quyền nhân danh Chính phủ nước.....(tên nước), để ký (cần hoặc không phải phê chuẩn) đối với tất cả các Hiệp ước, công ước, hiệp định, nghị định thư, hoặc những văn kiện pháp lý khác được nộp lưu chiểu tại Ban thư ký của LHQ cũng như thông báo có liên quan.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Chữ ký (họ tên và chức vụ)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐU'QT

II. Điều ước quốc tế

- ❖ Đàm phán, soạn thảo và thông qua
- ❖ Ký Điều ước quốc tế
- ❖ Phê chuẩn, phê duyệt ĐU'QT
- ❖ Gia nhập ĐU'QT
- ❖ Bảo lưu ĐU'QT
- ❖ Hiệu lực pháp lý của ĐU'QT

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐU'QT

II. Điều ước quốc tế

- ❖ **Đàm phán, soạn thảo và thông qua**
- **Năm phần**
- + Là giai đoạn quan trọng của quá trình ký kết nhiều điều ước quốc tế là quá trình thông qua nội các bên thể hiện ý chí trực tiếp của mình.
- + Là quá trình các bên đấu tranh, thông lượng nhau nhằm đến thỏa thuận các quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Năm phần quyết định nội dung và hình thức của nhiều điều ước quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT**II. Điều ước quốc tế**

- Hình thức đàm phán:

- ✦ Thông qua các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài.
- ✦ Tại các hội nghị quốc tế và các tổ chức quốc tế.
- ✦ Tổ chức một hội nghị riêng để đàm phán giữa các bên hữu quan.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT**II. Điều ước quốc tế**

- Thẩm quyền đàm phán điều ước quốc tế:
Do luật quốc gia quy định, theo Luật ký kết, gia nhập v thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 của Việt Nam quy định:
- + Chủ tịch nước quyết định đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh nhà nước với người đứng đầu nhà nước khác

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

- + Chính phủ quyết định đàm phán, ký kết điều ước nhân danh chính phủ, nhân danh nhà nước, (trừ những điều ước mà chủ tịch nước đã ký như đã nói ở trên)

Chính phủ có trách nhiệm báo cáo chủ tịch nước trước khi quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh nhà nước hoặc điều ước quốc tế nhân danh chính phủ có quy định phải được phê chuẩn.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

- Soạn thảo văn bản:

- + Đối với điều ước song phương: Hai bên cử đại diện để soạn thảo hoặc một bên trao cho bên kia soạn thảo, sau đó hai bên trao đổi thống nhất.
- + Đối với điều ước đa phương: Các bên thường cử một uỷ ban soạn thảo văn bản, thành phần bao gồm đại diện của các bên. Sau khi soạn thảo văn bản dự thảo điều ước các bên tiến hành thông qua văn bản.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐU'QT

II. Điều ước quốc tế

- Thông qua văn bản:

- + Bằng hình thức miệng hoặc ký tắt.
- + Thủ tục thông qua văn bản đối với điều ước nhiều bên: Thông qua hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu và văn bản coi như được thông qua khi có 2/3 số phiếu tn thnh.
- + Ngoài ra, trong thực tiễn quốc tế còn áp dụng nguyên tắc Concensus (đồng thuận) tất cả các thành viên nhất trí.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐU'QT

II. Điều ước quốc tế

❖ Ký Điều ước quốc tế

- **Ký tắt:** Là việc các vị đại diện của các bên tham gia đàm phán, soạn thảo ký xác nhận văn bản dự thảo là văn bản đã được thông qua. Sau khi ký tắt điều ước quốc tế chưa phát sinh hiệu lực.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

-
- **Ký tượng trưng (ký ad referendum):** Là việc ký của vị đại diện với điều kiện là có sự đồng ý tiếp theo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong nước thì điều ước sẽ không phải ký chính thức nữa. Như vậy, hình thức ký này có thể làm phát sinh hiệu lực cho điều ước nếu các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia tỏ rõ sự chấp thuận sau khi ký ad referendum.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

-
- **Ký chính thức (ký đầy đủ):** Là việc ký của vị đại diện vào văn bản dự thảo điều ước, nếu điều ước đó không quy định các trình tự và thủ tục khác (như phê chuẩn, phê duyệt) thì điều ước quốc tế đó sẽ phát sinh hiệu lực sau khi ký đầy đủ.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐU'QT

II. Điều ước quốc tế

-
- Ý nghĩa
 - + Thông qua việc ký chính thức, văn bản dự thảo điều ước trở thành văn bản pháp lý và nó sẽ phát sinh hiệu lực ngay nếu các bên không có thoả thuận nào khác.
 - + Thông qua việc ký chính thức, các bên một lần nữa tỏ rõ quyền và lợi ích của mình trong điều ước.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐU'QT

II. Điều ước quốc tế

❖ Phê chuẩn, phê duyệt ĐU'QT

- **Phê chuẩn:**

Phê chuẩn là hành vi pháp lý đơn phương (tuyên bố đơn phương) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hiệu lực của một điều ước quốc tế đối với quốc gia mình.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐU'QT**II. Điều ước quốc tế**

-
- Trong Luật kí kết , gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế 2005 của Việt Nam có giải thích: “Phê chuẩn là hành vi pháp lý do Quốc hội hoặc Chủ tịch nước thực hiện để chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đã ký đối với nước Cộng hòa x hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐU'QT**II. Điều ước quốc tế**

-
- Lý do có sự phê chuẩn?
 - Những loại điều ước quốc tế cần phê chuẩn:
 - + Dựa trên sự thỏa thuận của các bên
 - + Do luật trong nước quy định
 - Theo Luật kí kết , gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế 2005 của Việt Nam: quy định những điều ước quốc tế phải được phê chuẩn gồm:
 - + Điều ước quốc tế có quy định phải phê chuẩn;

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT**II. Điều ước quốc tế**

-
- + Điều ước quốc tế được ký nhân danh Nhà nước;
 - + Điều ước quốc tế được ký nhân danh Chính phủ có quy định trái với quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc có quy định liên quan đến ngân sách nhà nước

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT**II. Điều ước quốc tế**

-
- Thẩm quyền phê chuẩn do Luật quốc gia quy định
 - Thông thường, hầu hết các quốc gia đều giao thẩm quyền phê chuẩn điều ước quốc tế cho cơ quan lập pháp, cụ thể, ở Việt Nam, Điều 32, thẩm quyền phê chuẩn điều ước quốc tế gồm:
 - + Quốc hội
 - + Chủ tịch nước quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế quy định tại điều 31 trừ khoản 1 Điều 32

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT**II. Điều ước quốc tế****- Phê duyệt:**

Phê duyệt là một tuyên bố đơn phương của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hiệu lực của một điều ước quốc tế đối với quốc gia mình.

- Lý do của phê duyệt tương tự với phê chuẩn, nhưng mức độ quan trọng cần phê duyệt của điều ước quốc tế thấp hơn so với mức độ quan trọng cần phê chuẩn.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT**II. Điều ước quốc tế**

- Loại điều ước quốc tế cần phê duyệt: do Luật quốc gia quy định.
- Theo Điều 43 Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế 2005 của Việt Nam thì những điều ước quốc tế phải được phê duyệt là:
 - + Điều ước quốc tế nhân danh chính phủ có quy định phải phê duyệt.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT**II. Điều ước quốc tế**

-
- + Điều ước quốc tế nhân danh chính phủ có quy định trái với quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của chính phủ.
 - + Điều ước quốc tế nhân danh chính phủ có quy định phải hoàn thành thủ tục pháp lý nội bộ,
 - Thẩm quyền phê duyệt điều ước quốc tế
- Điều 44, Luật 2005 quy định: “Chính phủ quy định phê duyệt điều ước quốc tế quy định tại điều 43”.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT**II. Điều ước quốc tế**

**MẪU VĂN KIỆN PHÊ CHUẨN, PHÊ DUYỆT
HOẶC CHẤP THUẬN**

***Khi mà công ước (hoặc Hiệp định/ Hiệp ước...
tên gọi cụ thể của điều ước) đã được ký
tại.....ngày.....tháng.....năm***

***Và khi mà, công ước nói trên (hoặc Hiệp
định/ Hiệp ước) đã được ký nhân danh
Chính phủ nước.....(tên quốc gia) vào
ngày.....tháng.....năm.....***

***Bởi như vậy, tôi Nguyễn Văn A, Chức vụ Bộ
trưởng bộ ngoại giao (hoặc***

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

người đứng đầu chính phủ hoặc nguyên thủ quốc gia) tuyên bố rằng Chính phủ nước....(tên nước), sau khi đã xem xét Công ước nói trên (hoặc Hiệp định, hiệp ước...) sẽ phê chuẩn (hoặc phê duyệt hoặc chấp thuận) và thực hiện đầy đủ những điều khoản nêu trong điều ước
Để làm bằng, tôi đã ký văn kiện phê chuẩn (hoặc phê duyệt hoặc chấp thuận)

Chữ ký và chức vụ

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

❖ Gia nhập ĐƯQT

Gia nhập là tuyên bố đơn phương của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hiệu lực của một điều ước quốc tế đối với quốc gia mình

- Thủ tục gia nhập điều ước quốc tế nào được quy định cụ thể trong phần cuối cùng của điều ước đó. - Hiện nay, việc gia nhập có thể thực hiện bằng cách gửi công hàm xin gia nhập đến quốc gia bảo

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT**II. Điều ước quốc tế**

quản điều ước hay đến ban thư ký của tổ chức quốc tế bảo quản điều ước hoặc ký trực tiếp vào văn bản điều ước.

- Thẩm quyền gia nhập điều ước quốc tế : Do Luật quốc gia quy định. Luật 2005 quy định thẩm quyền, nội dung quốc gia gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên:

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT**II. Điều ước quốc tế**

- + Quốc hội quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên theo đề nghị của Chủ tịch nước.
- + Chủ tịch nước quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên nhân danh Nhà nước, điều ước quốc tế nhiều bên có quy định phải phê chuẩn (trừ khoản 1).
- + Chính phủ quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên nhân danh Chính phủ.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

MẪU VĂN KIỆN GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Khi mà công ước (hoặc Hiệp định/ Hiệp ước... tên gọi cụ thể của điều ước) ...tháng.....năm.....

Bởi như vậy, tôi Nguyễn Văn A, Chức vụ Bộ trưởng bộ ngoại giao (hoặc người đứng đầu chính phủ hoặc nguyên thủ quốc gia) tuyên bố rằng

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

Chính phủ nước....(tên nước), sau khi đã xem xét Công ước nói trên (hoặc Hiệp định, hiệp ước...) sẽ gia nhập và thực hiện đầy đủ những điều khoản nêu trong điều ước.

Để làm bằng, tôi đã ký văn kiện gia nhập vào ngày.....tại.....

Chữ ký và chức vụ

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT**II. Điều ước quốc tế****❖ Bảo lưu ĐUQT**

Bảo lưu là hành vi đơn phương bất kể cách viết hay tên gọi như thế nào của một quốc gia đưa khi ký, phê chuẩn, phê duyệt, hoặc gia nhập điều ước đó, nhằm qua đó loại trừ hoặc thay đổi hiệu lực của một hoặc một số quy định của điều ước trong việc áp dụng chúng đối với quốc gia đó. (Công ước viên năm 1969 về luật điều ước quốc tế).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT**II. Điều ước quốc tế**

Bảo lưu được xem là một quyền, nhưng quyền này không phải là quyền tuyệt đối, vì những lý do sau đây:

- Bảo lưu không áp dụng cho điều ước song phương mà chỉ áp dụng cho điều ước đa phương.
- Đối với điều ước đa phương mà có điều khoản quy định “cấm bảo lưu” thì quyền bảo lưu cũng không được thực hiện

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

- Đối với những điều ước đa phương chỉ cho phép bảo lưu một hoặc một vài điều khoản cụ thể nhất định, thì quyền bảo lưu cũng không được thực hiện đối với những điều khoản còn lại.
- Nếu điều ước đa phương cho phép bảo lưu bất kỳ điều khoản nào thì quyền bảo lưu cũng không được thực hiện đối với những điều khoản không phù hợp với mục đích và đối tượng của điều ước.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

- **Trình tự bảo lưu điều ước quốc tế**
- Bảo lưu điều ước quốc tế được thực hiện trong tất cả giai đoạn của quá trình ký kết điều ước, kể cả giai đoạn gia nhập điều ước.
- Quốc gia có quyền bảo lưu và cũng có quyền huỷ bảo lưu trong bất kỳ thời điểm nào xét thấy cần thiết

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

-
- Việc tuyên bố bảo lưu, chấp thuận bảo lưu, rút bảo lưu, phản đối bảo lưu phải được thực hiện bằng văn bản (gửi cho quốc gia bảo quản điều ước)
 - Bảo lưu sẽ có hiệu lực sau 12 tháng kể từ khi tuyên bố bảo lưu mà không có thành viên nào phản đối.

Giải quyết mọi quan hệ giữa quốc gia bảo

Th.S Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM
lưu và các thành viên còn lại của điều

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

-
- Chấp thuận công khai hoặc im lặng không phản đối: Đối với những quốc gia này, quốc gia đưa ra tuyên bố bảo lưu sẽ không thực hiện điều khoản bị bảo lưu.
 - Phản đối: mọi quan hệ là phải thực hiện điều khoản bị bảo lưu, vẫn phải thực hiện mọi điều khoản trừ trường hợp điều ước quốc tế cho phép bảo lưu điều khoản đó thì sự phản đối không có giá trị pháp lý.

Th.S Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

- Trong trường hợp điều ước quốc tế không quy định rõ điều khoản nào được phép bảo lưu thì sự bảo lưu sẽ được coi là có giá trị pháp lý sau thời hạn 12 tháng mà không có sự phản đối bảo lưu từ phía các quốc gia hữu quan.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

MẪU VĂN KIẾN BẢO LƯU HOẶC TUYÊN BỐ

Tôi, Nguyễn Văn A.....Chức vụ: Bộ trưởng bộ ngoại giao
(hoặc nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu chính phủ)

Chính phủ nước(tên nước)bằng tuyên bố này đề ra
bảo lưu sau đây đối với Điều (hoặc các điều)của Công
ước (hoặc Hiệp định...) thông qua ngày... tháng..... năm....

Tuyên bố mà chúng tôi đưa ra là (hoặc cơ sở của bảo lưu
là)...

Đề làm bằng, tôi đã ký và đóng dấu dưới đây

Làm tại.....ngày.....tháng.....năm.....

Chữ ký và chức vụ

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

❖ Hiệu lực pháp lý của ĐUQT

- **Điều kiện**

- + Điều ước quốc tế được ký kết phải phù hợp với pháp luật quốc gia của các bên ký kết về thẩm quyền và thủ tục ký kết.
- + Điều ước quốc tế phải được ký kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng.
- + Điều ước quốc tế được ký kết phải phù hợp với nội dung của các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

* **Điều ước quốc tế vô hiệu**

Tùy theo mức độ vô hiệu, người ta chia làm hai loại

- + Điều ước vô hiệu tương đối.
- + Điều ước vô hiệu tuyệt đối.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

Điều ước vô hiệu tuyệt đối:

- Vô hiệu ngay từ khi ký kết điều ước, cụ thể là Điều ước đó ký không trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng hoặc ký kết không phù hợp với nội dung của các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế.
- Hệ quả của điều ước vô hiệu tuyệt đối: Các bên hoàn toàn giải phóng quyền và nghĩa vụ của mình trong điều ước.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

Điều ước vô hiệu tương đối: Là những điều ước quốc tế không có hiệu lực nếu như các bên tham gia xét thấy còn tồn tại những vi phạm pháp luật quốc gia về thẩm quyền ký kết, làm lỗi, man trá, mua chuộc vi đại diện.

- Hệ quả của điều ước vô hiệu tương đối: Các bên có thể khắc phục những thiếu sót sai lầm đó, nếu khắc phục được điều ước có hiệu lực; Nếu cố tình không khắc phục điều ước sẽ không có hiệu lực.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

-
- **Hiệu lực của điều ước quốc tế theo không gian và thời gian**
 - + Không gian có hiệu lực của điều ước quốc tế
 - + Thời gian có hiệu lực của điều ước quốc tế
 - + Thời hạn có hiệu lực của điều ước quốc tế:

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

-
- ✦ Điều ước vô thời hạn
 - ✦ Điều ước quốc tế có thời hạn
 - ✦ Điều ước quốc tế hết hiệu lực
 - ✓ Tự động hết hiệu lực:
 - ☑ Hết thời hạn có hiệu lực của điều ước.
 - ☑ Khi các bên đã thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ quy định trong điều ước quốc tế trước thời hạn quy định.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT**II. Điều ước quốc tế**

Khi có chiến tranh xảy ra:

- Đối với điều ước song phương: Chấm dứt hiệu lực (nhưng đối với những điều ước quốc tế về lãnh thổ, biên giới quốc gia và những điều ước đã có điều khoản ghi nhận khi có chiến tranh xảy ra thì điều ước này vẫn không chấm dứt hiệu lực).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT**II. Điều ước quốc tế**

- Đối với điều ước quốc tế đa phương: Sẽ chấm dứt hiệu lực đối với những bên tham chiến còn các bên không tham chiến thì điều ước quốc tế đó vẫn có hiệu lực.
 - ✓ Hết hiệu lực theo ý muốn của các bên:
- Bãi bỏ điều ước quốc tế: Là hành vi đơn phương của một quốc gia tuyên bố điều ước đã hết hiệu lực đối với mình (theo quy định của điều ước), với điều kiện điều ước đó cho phép bãi bỏ là quyền của quốc gia, nó được ghi nhận trong điều ước.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

- Đối với những điều ước quốc tế song phương: Nếu một bên tuyên bố bãi bỏ điều ước quốc tế thì điều ước quốc tế hết hiệu lực.
- Đối với những điều ước quốc tế đa phương: Khi có một bên tuyên bố bãi bỏ điều ước quốc tế thì nó sẽ chấm dứt hiệu lực đối với bên đưa ra tuyên bố đó. Các thành viên còn lại vẫn còn hiệu lực.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

- ☑ **Hủy bỏ điều ước quốc tế:** Là tuyên bố đơn phương của một quốc gia (của cơ quan có thẩm quyền trong nước) nhằm chấm dứt hiệu lực của một điều ước quốc tế đối với mình mà không cần điều ước quốc tế đó cho phép.
- Cơ sở pháp lý để tuyên bố hủy bỏ điều ước quốc tế
- Khi một bên chỉ hưởng quyền mà không thực hiện nghĩa vụ.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

- Một hay nhiều bên vi phạm nghiêm trọng những điều khoản của điều ước.
- Khi quốc gia không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình (người ta gọi đó là hoàn cảnh thay đổi cơ bản dẫn đến quốc gia không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình) – Rebus sic stantibus.(hoàn cảnh thay đổi cơ bản)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐUQT

II. Điều ước quốc tế

- ✦ Tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế: Đây là quyền của quốc gia và được ghi nhận trong Luật điều ước quốc tế:
- ✓ Các bên tham gia điều ước quốc tế sẽ gián đoạn thực hiện ĐUQT trong một thời gian nhất định.
- ✓ Cơ sở pháp lý của việc tạm đình chỉ là do sự thỏa thuận của các thành viên hoặc do điều ước quốc tế quy định.
- ✓ Trong thời gian tạm đình chỉ các bên không được có bất kỳ hình thức nào làm cản trở việc khôi phục lại hiệu lực của điều ước quốc tế sau một thời gian gián đoạn.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐU'QT**II. Điều ước quốc tế****Điều ước quốc tế và Quốc gia thứ ba**

- Về nguyên tắc, một điều ước quốc tế không tạo ra nghĩa vụ hay quyền hạn nào cho quốc gia thứ ba – quốc gia không phải là thành viên của điều ước quốc tế, trừ khi có sự đồng ý của quốc gia đó.
- Tuy nhiên, trên thực tế (Điều 34,35,37 Công ước Viên 1969):
 - ✦ Điều ước quốc tế sẽ ràng buộc nghĩa vụ đối với quốc gia thứ 3 với điều kiện là được quốc gia này

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐU'QT**II. Điều ước quốc tế**

chấp thuận bằng văn bản.

- ✦ Có những điều ước quốc tế không ghi nhận nghĩa vụ của quốc gia thứ 3, nhưng ghi nhận quyền của quốc gia thứ ba.
- ✦ Điều ước quốc tế có thể giao nghĩa vụ cho quốc gia thứ ba bất kể quốc gia này có chấp thuận hay không (chỉ áp dụng trong trường hợp vì hòa bình và an ninh thế giới).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

Điều ước quốc tế và Quốc gia thứ ba

- Về nguyên tắc, một điều ước quốc tế không tạo ra nghĩa vụ hay quyền hạn nào cho quốc gia thứ ba – quốc gia không phải là thành viên của điều ước quốc tế, trừ khi có sự đồng ý của quốc gia đó.
- Tuy nhiên, trên thực tế (Điều 34,35,37 Công ước Viên 1969):

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

c. Trình tự ký kết ĐƯQT

II. Điều ước quốc tế

Thực hiện điều ước quốc tế

- Giải thích điều ước quốc tế
- Công bố và đăng ký điều ước quốc tế
- Thực hiện điều ước quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

III. Tập quán quốc tế

1. Khái niệm

- Theo nghĩa là nguồn của luật quốc tế, thì tập quán quốc tế là quy tắc xử sự chung, hình thành trong thực tiễn quốc tế và được các chủ thể của luật quốc tế thừa nhận rộng rãi là quy phạm có tính chất pháp lý bắt buộc.
- Tuy nhiên, không phải quy tắc xử sự nào hình thành trong thực tiễn cũng trở thành quy phạm tập quán quốc tế, tức là nguồn của luật quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

III. Tập quán quốc tế

1. Khái niệm

- Những tập quán là nguồn của luật quốc tế phải thoả mãn các điều kiện sau:
- Tập quán này phải được áp dụng qua một thời gian dài trong thực tiễn quốc tế. Yếu tố áp dụng qua một thời gian dài
 - Tập quán đó phải được thừa nhận rộng rãi như những qui phạm có tính chất pháp lý bắt buộc.
 - Tập quán đó phải có nội dung phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

2. Con đường hình thành

III. Tập quán quốc tế

- **Tập quán quốc tế theo quan điểm truyền thống**
- **Tập quán quốc tế theo quan điểm mới:**
 - + Loại qui phạm thứ nhất mang tính truyền thống: Phải đáp ứng hai thành tố: thành tố vật chất và thành tố tinh thần (bao gồm các qui tắc xử sự không thành văn, hình thành trong thực tiễn quan hệ quốc tế) và được các quốc gia thừa nhận hiệu lực pháp lý ràng buộc mình.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Con đường hình thành

III. Tập quán quốc tế

- Loại quy phạm thứ hai: Bao gồm các quy tắc xử sự được ghi nhận trong một số văn kiện, được các quốc gia thừa nhận hiệu lực pháp lý bắt buộc đối với mình với tư cách là tập quán pháp lý quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Con đường hình thành

III. Tập quán quốc tế

- ☆ Con đường hình thành tập quán pháp lý quốc tế
- Hình thành từ nghị quyết của tổ chức quốc tế
- Hình thành từ một tiền lệ duy nhất
- Hình thành từ điều ước quốc tế
- Hình thành từ hành vi đơn phương của quốc gia

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

IV. Các phương tiện bổ trợ nguồn

1. Các nguyên tắc pháp luật chung
2. Nghị quyết của các tổ chức quốc tế liên chính phủ
3. Phán quyết của Tòa án quốc tế
4. Học thuyết về luật quốc tế
5. Hành vi đơn phương của quốc gia

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

V. Mối quan hệ giữa các loại nguồn

1. Vị trí, vai trò của điều ước quốc tế và tập quán quốc tế
2. Sự tác động qua lại giữa điều ước quốc tế và tập quán quốc tế
3. So sánh hiệu lực giữa điều ước quốc tế và tập quán quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

V. Mối quan hệ giữa các loại nguồn

1. Vị trí, vai trò

- Trong lịch sử quan hệ giữa các quốc gia, tập quán quốc tế với tư cách là nguồn của luật quốc tế xuất hiện sớm hơn nhiều so với điều ước quốc tế.
- Ngày nay, điều ước quốc tế lại có chỗ đứng nhiều hơn trong việc điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể luật quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Hiệu lực giữa ĐUQT và TQQT

V. Mối quan hệ giữa các loại nguồn

- Trong hệ thống luật quốc tế, không quy định điều ước có giá trị cao hơn tập quán vì bản chất của luật quốc tế là sự thoả thuận. Như vậy điều ước quốc tế và tập quán quốc tế có giá trị pháp lý như nhau

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

3. Hiệu lực giữa ĐUQT và TQQT

V. Mối quan hệ giữa các loại nguồn

- Nếu có cả quy phạm điều ước và quy phạm tập quán cùng có thể áp dụng để giải quyết một vấn đề nào đó nhưng nội dung của cả hai loại quy phạm này mâu thuẫn nhau, thì các cơ quan có thẩm quyền thường ưu tiên áp dụng quy phạm điều ước quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

3. Hiệu lực giữa ĐUQT và TQQT

V. Mối quan hệ giữa các loại nguồn

- Trong hệ thống luật quốc tế, không quy định điều ước có giá trị cao hơn tập quán vì bản chất của luật quốc tế là sự thoả thuận. Như vậy điều ước quốc tế và tập quán quốc tế có giá trị pháp lý như nhau

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

V. Mối quan hệ giữa các loại nguồn

Ưu thế của điều ước quốc tế:

- ✓ Điều ước được thể hiện bằng văn bản viết, vì vậy nó ghi nhận quyền và nghĩa vụ giữa các bên rõ ràng hơn (tập quán quốc tế tồn tại dưới dạng không thành văn, không quy định rõ quyền và nghĩa vụ).
- ✓ Điều ước quốc tế trải qua một trình tự lập pháp chính xác, minh bạch và cụ thể hơn

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

III. Tập quán quốc tế

(quy trình thỏa thuận, soạn thảo, quy định thời điểm có hiệu lực, chấm dứt hiệu lực rõ ràng).

- ✓ Thông qua việc đàm phán, ký điều ước quốc tế thì các quy phạm pháp luật quốc tế (quy phạm điều ước, quy phạm tập quán).
- ✓ Quy phạm điều ước hình thành một cách nhanh chóng, nó đáp ứng được nhịp độ phát triển nhanh trong quan hệ quốc tế ngày nay.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

CHƯƠNG 4

QUỐC GIA TRONG LUẬT QUỐC TẾ



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

NỘI DUNG CHÍNH

I. Khái niệm

1. Các yếu tố cấu thành quốc gia
2. Vấn đề quyền năng chủ thể luật quốc tế của quốc gia

II. Công nhận quốc gia

1. Khái niệm công nhận
2. Thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

III. Vấn đề kế thừa quốc gia trong quan hệ quốc tế

1. Khái niệm
2. Thực tiễn kế thừa quốc gia

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

I. Khái niệm

1. Các yếu tố cấu thành quốc gia

- Theo quy định tại điều 1 – Công ước Montevideo năm 1933 về quyền và nghĩa vụ của các quốc gia, được thông qua tại Hội nghị quốc tế các nước châu Mỹ ngày 26/12/1933 thì một thực thể được coi là Quốc gia theo pháp luật quốc tế phải có 4 yếu tố cơ bản sau:

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

I. Khái niệm

1. Các yếu tố cấu thành quốc gia

- + Lãnh thổ xác định
 - + Dân cư ổn định
 - + Chính phủ
 - + Khả năng tiến hành quan hệ với các nhà nước khác.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

I. Khái niệm

1. Các yếu tố cấu thành quốc gia

- + Về phương diện pháp lý quốc tế, lãnh thổ xác định được hiểu là quốc gia phải có đường biên giới để phân định lãnh thổ, biên giới với các quốc gia khác. Hay nói cách khác, quốc gia phải có lãnh thổ được xác định và được thể hiện trên bản đồ địa lý hành chính thế giới

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

I. Khái niệm

1. Các yếu tố cấu thành quốc gia

+ Một quốc gia có dân cư ổn định có nghĩa là đại bộ phận dân cư sinh sống, cư trú ổn định lâu dài trên lãnh thổ quốc gia là công dân mang quốc tịch của quốc gia, đồng thời họ có đầy các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân của quốc gia đó.

+ Ngoài các yếu tố cấu thành quốc gia về lãnh thổ, dân cư và Chính phủ, một quốc gia chỉ có tư cách chủ thể của luật quốc tế khi quốc gia đó là một quốc gia có chủ quyền.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

I. Khái niệm

2. Vấn đề quyền năng chủ thể luật quốc tế của quốc gia

Khái niệm quyền năng chủ thể của luật quốc tế.

Quyền năng chủ thể của luật quốc tế là thuộc tính cơ bản, là khả năng pháp lý đặc biệt của những chủ thể mang quyền và nghĩa vụ pháp lý quốc tế trong sinh hoạt quốc tế. Quyền năng chủ thể là thuộc tính chính trị- pháp lý của các thực thể đang tham gia hoặc có khả năng tham gia vào quan hệ pháp lý quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

I. Khái niệm

2. Vấn đề quyền năng chủ thể luật quốc tế của quốc gia

- + Năng lực pháp lý quốc tế chính là khả năng của chủ thể được thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ thể khi tham gia vào các quan hệ pháp lý quốc tế.
- + Trong khi đó, năng lực hành vi quốc tế chính là khả năng của chủ thể được thừa nhận bằng chính hành vi pháp lý độc lập của mình, tự tạo ra cho bản thân quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý quốc tế tương ứng. Để biến năng lực pháp luật thành hiện thực, các chủ thể luật quốc tế phải bằng chính hành vi của mình tạo ra quyền và đồng thời phải gánh chịu các nghĩa vụ pháp lý quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

I. Khái niệm

2. Vấn đề quyền năng chủ thể luật quốc tế của quốc gia

Các quyền và nghĩa vụ quốc tế cơ bản của quốc gia.

* Các quyền quốc tế cơ bản của quốc gia

- + Quyền bình đẳng về chủ quyền và quyền lợi trong quan hệ quốc tế;
- + Quyền được tự vệ cá nhân hoặc tự vệ tập thể trong trường hợp bị xâm lược hoặc bị tấn công bằng vũ trang ;
- + Quyền được tồn tại trong hòa bình, quyền độc lập và bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia;

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

I. Khái niệm

2. Vấn đề quyền năng chủ thể luật quốc tế của quốc gia

- + Quyền bất khả xâm phạm về biên giới và lãnh thổ quốc gia;
- + Quyền được tham gia xây dựng pháp luật quốc tế ;
- + Quyền được tự do thiết lập và thực hiện quan hệ với các chủ thể quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế ;
- + Quyền được trở thành thành viên của tổ chức quốc tế phổ cập;

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

I. Khái niệm

2. Vấn đề quyền năng chủ thể luật quốc tế của quốc gia

* Các nghĩa vụ quốc tế cơ bản của quốc gia

- + Tôn trọng độc lập, chủ quyền của các quốc gia khác ;
- + Tôn trọng sự bất khả xâm phạm biên giới, lãnh thổ của các quốc gia khác;
- + Không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế;
- + Không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác;

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

I. Khái niệm

2. Vấn đề quyền năng chủ thể luật quốc tế của quốc gia

- + Hợp tác hữu nghị với các quốc gia khác nhằm duy trì hòa bình và an ninh quốc tế;
- + Tôn trọng nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia trong quan hệ quốc tế;
- + Tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế;
- + Nghĩa vụ giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Vấn đề công nhận trong LQT

1. Khái niệm

* Định nghĩa sự công nhận:

Công nhận trong luật quốc tế hiện đại là một hành vi pháp lý – chính trị, dựa trên ý chí độc lập của quốc gia công nhận nhằm thể hiện thái độ của mình đối với đường lối, chính sách, chế độ chính trị, kinh tế – xã hội của bên được công nhận và xác lập quan hệ bình thường đối với bên được công nhận.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Vấn đề công nhận trong LQT

1. Khái niệm

Trong khoa học luật quốc tế có nhiều quan điểm khác nhau về ý nghĩa của sự công nhận quốc tế cũng như mối quan hệ giữa hành vi công nhận quốc tế với quyền năng của chủ thể luật quốc tế nhưng điển hình là thuyết cấu thành và thuyết tuyên bố.

- *Thuyết cấu thành:*

Theo thuyết cấu thành, các quốc gia mới ra đời chỉ trở thành chủ thể luật quốc tế hiện đại nếu được các quốc gia khác công nhận chính thức

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Vấn đề công nhận trong LQT

1. Khái niệm

- *Thuyết tuyên bố:*

Thuyết tuyên bố, thuyết này ra đời vào cuối thế kỷ 19, và được hình thành như một trào lưu chống lại thuyết cấu thành. Các quốc gia mới ra đời trở thành chủ thể của luật quốc tế hiện đại mà không phụ thuộc vào sự công nhận của các quốc gia khác.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Vấn đề công nhận trong LQT

1. Khái niệm

- Quan điểm của các luật gia dân chủ tiến bộ không chủ trương đề ra một học thuyết nào về vấn đề công nhận nhưng họ ủng hộ các nội dung hợp lý và tiến bộ của thuyết tuyên bố và đặt vấn đề vào mối quan hệ biện chứng với quyền tự quyết của các dân tộc

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Vấn đề công nhận trong LQT

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

* Các thể loại công nhận:

- Công nhận quốc gia mới:

- + Các quốc gia có thể thành lập theo con đường cổ điển, tức là quốc gia mới được hình thành một cách tự nhiên từ sự định cư và phát triển của một cộng đồng dân cư trên một vùng lãnh thổ nhất định;

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

II. Vấn đề công nhận trong LQT

+ Quốc gia mới ngày nay thường được thành lập do thắng lợi của cách mạng xã hội; do hợp nhất của hai hay nhiều quốc gia cũ thành một quốc gia mới hay phân tách một quốc gia cũ thành hai hay nhiều quốc gia mới

=> Trong quan hệ quốc tế, công nhận chỉ đặt ra khi có sự xuất hiện của quốc gia mới trên trường quốc tế. *Công nhận quốc gia mới chính là công nhận chủ thể mới của luật quốc tế.*

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

II. Vấn đề công nhận trong LQT

- Công nhận chính phủ mới:

Việc công nhận chính phủ mới chỉ được đặt ra trong trường hợp chính phủ mới được thành lập không bằng con đường hợp hiến (chính phủ De facto).

- Đa số các luật gia trên thế giới cho rằng tính hữu hiệu là cơ sở, tiêu chuẩn để công nhận chính phủ mới.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

II. Vấn đề công nhận trong LQT

Như vậy, một chính phủ mới bảo đảm được tính hữu hiệu nếu nó đáp ứng được các điều kiện sau đây:

- + Được đông đảo quần chúng nhân dân tự nguyện ủng hộ
- + Có đủ khả năng duy trì và thực hiện quyền lực nhà nước trong một thời gian dài
- + Có khả năng kiểm soát toàn bộ hoặc phần lớn phần lãnh thổ quốc gia một cách độc lập và tự quản lý được mọi công việc của quốc gia

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

II. Vấn đề công nhận trong LQT

Các loại công nhận khác:

- * Công nhận mặt trận dân tộc giải phóng
- * Công nhận chính phủ lưu vong
- * Công nhận các bên tham chiến và công nhận các bên khởi nghĩa

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

II. Vấn đề công nhận trong LQT

* Các hình thức công nhận:

- + Công nhận de Jure (Là công nhận chính thức ở mức độ đầy đủ và toàn diện)
- + Công nhận de facto (Cũng là một hình thức công nhận chính thức nhưng ở mức độ không đầy đủ, không toàn diện.)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

II. Vấn đề công nhận trong LQT

- + Công nhận ad hoc: Là hình thức công nhận lẫn nhau trong từng vụ việc cụ thể, không có tính chất chính thức. Các quan hệ giữa bên công nhận và bên được công nhận sẽ chấm dứt ngay sau khi công việc hay vấn đề mà hai bên cùng quan tâm đã được giải quyết.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

II. Vấn đề công nhận trong LQT

* Các phương pháp công nhận:

- Công nhận minh thị

Là sự công nhận được thể hiện rõ ràng minh bạch và cụ thể trong các văn kiện chính thức của bên công nhận như trong công hàm, thông điệp hay trong các Điều ước quốc tế

Luật sư Trần Chí Công, Viện Nghiên cứu Pháp lý và Tư pháp
Luật Tp.HCM

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

II. Vấn đề công nhận trong LQT

- Công nhận mặc thị

Là sự công nhận một cách kín đáo, không được thể hiện một cách rõ ràng, minh bạch trong một văn kiện cụ thể nào. Các quốc gia và chính phủ khác phải dựa vào các quy phạm tập quán nhất định hay các nguyên tắc suy đoán trong sinh hoạt quốc tế mới có thể làm rõ

Luật sư Trần Chí Công, Viện Nghiên cứu Pháp lý và Tư pháp
Luật Tp.HCM

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

II. Vấn đề công nhận trong LQT

* Hệ quả pháp lý của hành vi công nhận

+ Việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa quốc gia (chính phủ) công nhận và quốc gia (chính phủ) được công nhận là hệ quả pháp lý quan trọng nhất của sự công nhận quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

II. Vấn đề công nhận trong LQT

- + Việc thiết lập quan hệ lãnh sự là một hệ quả pháp lý quan trọng của sự công nhận. Các luật gia đều thống nhất với nhau rằng việc công nhận de facto sẽ tạo cơ sở pháp lý để các bên hữu quan thiết lập quan hệ lãnh sự với nhau.
- + Việc ký kết các điều ước quốc tế song phương giữa hai bên mà trong đó có quy định một cách cụ thể các quyền và nghĩa vụ cụ thể của các ký kết là một hệ quả pháp lý quan trọng của sự công nhận.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Các thể loại, hình thức và phương pháp công nhận

II. Vấn đề công nhận trong LQT

- + Tạo điều kiện cho các quốc gia được công nhận tham gia vào các hội nghị quốc tế và các tổ chức quốc tế phổ cập rộng rãi
- + Làm phát sinh các hệ quả pháp lý khác, chẳng hạn như tạo điều kiện thuận lợi cho quốc gia được hưởng quyền miễn trừ tại lãnh thổ của quốc gia công nhận, tạo cơ sở pháp lý để công nhận giá trị pháp lý của pháp luật nước được công nhận tại nước công nhận...

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Khái niệm

III. Vấn đề kế thừa trong LQT

- * **Khái niệm về kế thừa trong luật quốc tế**
- **Định nghĩa sự kế thừa trong luật quốc tế**

Kế thừa trong luật quốc tế hiện đại là sự chuyển dịch các quyền và nghĩa vụ quốc tế của một quốc gia này cho một quốc

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

III. Vấn đề kế thừa trong LQT

1. Khái niệm

Kế thừa trong luật quốc tế hiện đại có những đặc điểm sau:

- + Chủ thể của quan hệ kế thừa là các quốc gia. Bao gồm quốc gia để lại quyền kế thừa và quốc gia có quyền kế thừa
- + Đối tượng kế thừa (còn gọi là khách thể của sự kế thừa) là các quyền và nghĩa vụ quốc tế. Những bộ phận quan trọng nhất ở đây là lãnh thổ, điều ước quốc tế, tài sản quốc gia, hồ sơ lưu trữ, công nợ, quy chế thành viên tại các tổ chức quốc tế của quốc gia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

III. Vấn đề kế thừa trong LQT

1. Khái niệm

Cơ sở pháp lý của sự kế thừa:

- Thông qua cuộc cách mạng xã hội ở những nước không phải là thuộc địa dẫn đến thay đổi hình thái chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội..của quốc gia và làm xuất hiện quốc gia mới trên trường quốc tế (cách mạng tháng 10/1917);
- Thông qua cuộc cách mạng xã hội ở những nước vốn là thuộc địa của quốc gia khác làm xuất hiện quốc gia mới trên trường quốc tế (Việt Nam năm 1945);

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

III. Vấn đề kế thừa trong LQT

1. Khái niệm

- Do sáp nhập quốc gia (Cộng hòa Liên bang Đức ra đời tháng 8/1990 trên cơ sở sáp nhập hai quốc gia Cộng hòa dân chủ Đức và Cộng hòa Liên bang Đức);
- Do sự phân chia quốc gia thành hai hay nhiều quốc gia mới (Sau 1991, Cộng hòa Liên bang xã hội chủ nghĩa Xô viết đã chia thành 15 cộng hòa như: Nga, Ucraina, Belaruxia, Uđơbeckixtan, Cadắcxtan, Grudia, Adecbaidan, Litva, Mondova, Latvia, Cưđurğuxtan, Tatgikixtan, Amenhia, Tuốcmextan, Extonia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

III. Vấn đề kế thừa trong LQT

1. Khái niệm

- Do có sự chuyển nhượng, sáp nhập, trả một bộ phận lãnh thổ của quốc gia này cho một quốc gia khác như ngày 1/7/1997 Vương quốc Anh trao trả lại Hồng Kông cho Trung Quốc; ngày 31/12/1999 Bồ Đào Nha trao trả lại Macao cho Trung Quốc hoặc vào năm 1868 chính quyền Sa Hoàng đã bán vùng Alaska cho hợp chủng quốc Hoa Kỳ...

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

III. Vấn đề kế thừa trong LQT

2. Thực tiễn kế thừa quốc gia

* Đối tượng kế thừa

Các đối tượng kế thừa trong luật quốc tế bao gồm lãnh thổ, biên giới quốc gia, tài sản, hồ sơ tài liệu quốc gia, quốc tịch của công dân, công nợ quốc gia, điều ước quốc tế, tư cách thành viên của quốc gia tại các tổ chức quốc tế.

Giảng viên: Trần Công Ngọc Sơn
Luật Tp.HCM

III. Vấn đề kế thừa trong LQT

2. Thực tiễn kế thừa quốc gia

* Các cách thức Kế thừa quốc gia

- + Quốc gia được thành lập sau cách mạng xã hội
- + Kế thừa quốc gia do hợp nhất hai hay nhiều quốc gia thành một quốc gia mới.
- + Kế thừa quốc gia do sự phân tách một quốc gia thành hai hay nhiều quốc gia

Giảng viên: Trần Công Ngọc Sơn
Luật Tp.HCM

III. Vấn đề kế thừa trong LQT

2. Thực tiễn kế thừa quốc gia

* Tại Việt Nam

- Kế thừa điều ước quốc tế ở Việt Nam được đặt ra theo các giai đoạn lịch sử trước năm 1945; 1945 - 1949; 1954 - 1975 và sau năm 1975. Việt Nam đứng trên quan điểm không kế thừa bất kỳ một điều ước quốc tế nào do quốc gia đô hộ trước đây hoặc do quốc gia đô hộ dựng lên, ngoại trừ các điều ước quốc tế có lợi cho quốc gia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

III. Vấn đề kế thừa trong LQT

2. Thực tiễn kế thừa quốc gia

- Về công nợ ở nước ngoài, năm 1975 Bộ ngoại giao tuyên bố thu hồi toàn bộ tài sản của Việt Nam cộng hòa ở nước ngoài, bao gồm cả bất động sản, tiền, vàng và các loại tài sản khác. Đồng thời, kế thừa các khoản nợ theo quy định của Pháp luật quốc tế nhưng chỉ chịu trách nhiệm kế thừa về các khoản nợ có liên quan đến quốc gia dân sinh (vì lợi ích của nhà nước và nhân dân).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

III. Vấn đề kế thừa trong LQT

2. Thực tiễn kế thừa quốc gia

- Riêng kế thừa về tiền và tài sản trong quan hệ song phương với Hoa Kỳ, Việt Nam đồng ý trả cho Hoa Kỳ những khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của chính quyền Sài Gòn liên quan đến các khoản vay phục vụ đời sống nhân dân. Ngược lại Hoa Kỳ phải trả lại cho Việt Nam toàn bộ tiền, tài sản của chính quyền Sài Gòn cũ đang bị Hoa Kỳ phong tỏa (sau khi bù trừ Hoa Kỳ trả lại cho Việt Nam 158 triệu USD; Việt Nam phải trả nợ cả lãi và gốc là 153 triệu USD trong thời gian 25 năm)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

CHƯƠNG 5

DÂN CƯ TRONG LUẬT QUỐC TẾ



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

NỘI DUNG CHÍNH

I. Khái niệm dân cư

1. Định nghĩa
2. Phân loại
3. Vấn đề quy định địa vị pháp lý của dân cư

II. Các vấn đề pháp lý quốc tế về quốc tịch

1. Khái niệm quốc tịch
2. Xác định quốc tịch
3. Vấn đề hai quốc tịch và không quốc tịch
4. Chấm dứt mối quan hệ quốc tịch
5. Bảo hộ công dân

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

NỘI DUNG CHÍNH

III. Một số vấn đề pháp lý về dân cư

1. Địa vị pháp lý của người nước ngoài
2. Quyền cư trú chính trị trong LQT
3. Vấn đề dẫn độ đối với người nước ngoài

IV. Bảo vệ quốc tế quyền con người

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

| | |
|--|----------------------------|
| 1. Định nghĩa | I. Khái niệm dân cư |
| <p>-Dân cư là tổng hợp những người dân sinh sống và cư trú trong phạm vi lãnh thổ của một quốc gia nhất định, đồng thời họ phải tuân thủ pháp luật của quốc gia đó</p> | |
| <p>Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM</p> | |

| | |
|---|----------------------------|
| 2. Phân loại | I. Khái niệm dân cư |
| <p>Căn cứ vào tiêu chuẩn quốc tịch, dân cư của một quốc gia bao gồm các bộ phận sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công dân (người mang quốc tịch của quốc gia đó). Đây là bộ phận dân cư quan trọng nhất và chiếm đại đa số + Người mang quốc tịch nước ngoài + Người mang hai quốc tịch hoặc nhiều quốc tịch + Người không quốc tịch | |
| <p>Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM</p> | |

3. Vấn đề quy định địa vị pháp lý của dân cư

I. Khái niệm dân cư

- Xuất phát từ chủ quyền quốc gia, mỗi quốc gia có thẩm quyền riêng biệt trong việc xác định địa vị pháp lý cho từng bộ phận dân cư nước mình mà không có sự can thiệp từ bên ngoài
- Trong khi thực hiện chủ quyền của mình về vấn đề dân cư, mỗi quốc gia phải tôn trọng pháp luật và tập

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Vấn đề quy định địa vị pháp lý của dân cư

I. Khái niệm dân cư

quán quốc tế, những nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế và những điều ước quốc tế đã được ghi nhận trong các văn bản pháp lý quốc tế có liên quan.

- Địa vị pháp lý của dân cư hoàn toàn phụ thuộc vào chế độ kinh tế – xã hội và trình độ phát triển chung của từng quốc gia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

1. Khái niệm quốc tịch

a- Định nghĩa

Quốc tịch là mối liên hệ pháp lý giữa một cá nhân với một quốc gia nhất định. Mối liên hệ này được biểu hiện ở tổng thể các quyền và nghĩa vụ pháp lý của người đó với quốc gia mà họ mang quốc tịch và tổng thể các quyền và nghĩa vụ của quốc gia đối với công dân của mình

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

1. Khái niệm quốc tịch

b- Đặc điểm của mối liên hệ quốc tịch

- + Tính ổn định, bền vững về không gian và thời gian
- + Là cơ sở để xác định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
- + Tính cá nhân (quốc tịch không phụ thuộc vào sự thay đổi của những người thân trong gia đình, để phân biệt công dân nước này với nước khác).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

1. Khái niệm quốc tịch

- + Quốc tịch có ý nghĩa pháp lý quốc tế:
- Là cơ sở để Nhà nước bảo hộ ngoại giao đối với công dân nước mình
- Là cơ sở để Nhà nước từ chối dẫn độ tội phạm .

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

2. Xác định quốc tịch

a- Căn cứ xác định quốc tịch .

Sự kiện pháp lý(sinh ra, xin gia nhập, kết hôn, nhận con nuôi...)

Quy định của pháp luật quốc gia

b- Thẩm quyền xác định quốc tịch.

Xác định quốc tịch là thẩm quyền của các quốc gia – chủ thể luật quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

2. Xác định quốc tịch

c- Các cách thức hưởng quốc tịch

* Do sinh ra

+ Theo nguyên tắc huyết thống: Theo nguyên tắc này đứa trẻ sinh ra sẽ có quốc tịch theo quốc tịch của cha mẹ nó mà không phụ thuộc vào nơi sinh cũng như không phụ thuộc vào ý chí của cha mẹ đứa trẻ. Nguyên tắc này được áp dụng ở hầu hết các nước Châu Âu như: Ý, Phần Lan, Na Uy, Tây Ban Nha ...và một số nước Đông nam Á: Lào, Thái Lan.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

2. Xác định quốc tịch

+ Nguyên tắc nơi sinh (nguyên tắc lãnh thổ): Mọi đứa trẻ sinh ra trên lãnh thổ nước nào thì sẽ có quốc tịch của nước đó, không phụ thuộc vào ý chí của cha mẹ chúng cũng như không tính đến cha mẹ chúng mang quốc tịch nước nào. Nguyên tắc này áp dụng rộng ở Châu Mỹ Latinh, Chi Lê, Braxin, Bolivia, Panama, Colombia...

Hiện nay nhiều nước kết hợp cả hai nguyên tắc này trong luật quốc tịch

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

2. Xác định quốc tịch

* Gia nhập quốc tịch

- Là việc một người nhận quốc tịch của một quốc gia do việc xin gia nhập quốc tịch. Việc nhận quốc tịch được quyết định bởi cơ quan có thẩm quyền về việc trao quốc tịch nước đó theo một trình tự được pháp luật quy định.

-Điều kiện:

- + Độ tuổi
- + Cư trú
- + Ngôn ngữ
- + Trình độ chính trị, kinh tế, văn hóa

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

2. Xác định quốc tịch

* Phục hồi quốc tịch

- Là việc khôi phục lại quốc tịch cũ cho một người vì lý do nào đó đã bị mất trước đây

- Để được phép trở lại quốc tịch ban đầu, đương sự cũng phải đáp ứng các điều kiện khác do pháp luật nước đó quy định, thông thường là không có hành vi làm nguy hại đến an ninh quốc gia trong thời gian mất quốc tịch.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

2. Xác định quốc tịch

* Lựa chọn quốc tịch

- Đây là quyền của người dân tự do lựa chọn cho mình một quốc tịch bằng việc bằng cách giữ nguyên quốc tịch cũ hoặc lấy quốc tịch của quốc gia khác.
- Đặt ra khi có sự chuyển giao lãnh thổ, dân cư giữa các nước
- Việc lựa chọn này hoàn toàn thể hiện ý chí của công dân trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với nguyên tắc dân tộc tự quyết và các nguyên tắc cơ bản trong Luật quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

2. Xác định quốc tịch

* Thường quốc tịch

- Thường quốc tịch là hành vi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận những người nước ngoài có công trạng lớn đối với nước mình là công dân nước mình. Có hai cách thường quốc tịch :
- + Người được thường quốc tịch được coi là công dân danh dự
- + Người được thường quốc tịch là công dân thực sự có quyền và nghĩa vụ như những người khác.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Vấn đề hai quốc tịch và không quốc tịch

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

a- Hai quốc tịch

Là tình trạng một người cùng lúc có hai quốc tịch, là công dân của cả hai quốc gia. Hai quốc tịch là một tình trạng khách quan ngoài ý chí của các quốc gia và bản thân người đó

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Vấn đề hai quốc tịch và không quốc tịch

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

Nguyên nhân:

_Trẻ em ngay từ khi sinh ra đã mang hai quốc tịch vì được sinh ra trên lãnh thổ quốc gia có luật quốc tịch áp dụng nguyên tắc luật nơi sinh nên mang quốc tịch nước đó, đồng thời cha mẹ đưa trẻ lại là công dân của nước có luật quốc tịch áp dụng nguyên tắc huyết thống lại mang thêm quốc tịch theo quốc tịch của cha mẹ.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Vấn đề hai quốc tịch và không quốc tịch

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

-- Trẻ em có cha mẹ khác quốc tịch mà luật quốc tịch của cả hai nước đều xác định quốc tịch của mình cho đứa trẻ đó. Như vậy, đứa trẻ đồng thời mang quốc tịch theo quốc tịch của cha và mang theo quốc tịch của mẹ.

_ Một người đã được vào quốc tịch mới nhưng chưa thôi quốc tịch cũ.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Vấn đề hai quốc tịch và không quốc tịch

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

_ Khi kết hôn với công dân nước ngoài, theo luật của nước mình, người phụ nữ vẫn được giữ quốc tịch gốc, đồng thời theo luật của nước người chồng họ cũng có quốc tịch theo quốc tịch của chồng.

_ Trẻ em khi làm con nuôi công dân nước ngoài vẫn giữ quốc tịch nước mình do luật quốc tịch quy định, mặt khác theo luật của nước cha mẹ nuôi lại quy định trẻ em đó tự động mang quốc tịch theo quốc tịch của cha mẹ.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Vấn đề hai quốc tịch và không quốc tịch

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

b- Không quốc tịch

Tình trạng pháp lý của một người không có một quốc tịch nào. Không quốc tịch cũng là một tình trạng khách quan ngoài ý chí của các quốc gia và bản thân người đó

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Vấn đề hai quốc tịch và không quốc tịch

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

Nguyên nhân

- Một người đã mất quốc tịch cũ (do được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, tự động mất quốc tịch,...) nhưng chưa được vào quốc tịch của nước họ đang cư trú.
- Một đứa trẻ sinh ra trên lãnh thổ của nước áp dụng nguyên tắc huyết thống mà cha mẹ của đứa trẻ lại là người không quốc tịch.
- Khi có sự xung đột pháp luật của các nước về vấn đề quốc tịch.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

4. Chấm dứt mối quan hệ quốc tịch

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

a- Xin thôi quốc tịch

- Quốc tịch của một người mất đi khi họ xin thôi quốc tịch theo ý chí nguyện vọng cá nhân
- Để được thôi quốc tịch đương sự phải làm đơn xin thôi quốc tịch gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền và khi được phép thôi quốc tịch họ sẽ không được coi là công dân nước đó nữa.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

4. Chấm dứt mối quan hệ quốc tịch

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

- Thông thường, xin thôi quốc tịch do công dân một nước hiện đang sinh sống (hoặc mong muốn định cư) ở nước ngoài nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế do nước sở tại qui định yêu cầu thôi quốc tịch cũ để vào quốc tịch nước đó, hoặc thôi quốc tịch cũ để loại trừ tình trạng hai quốc tịch.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

4. Chấm dứt mối quan hệ quốc tịch

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

b- Tước quốc tịch

Tước quốc tịch là biện pháp trừng phạt mà quốc gia thi hành đối với công dân nước mình khi họ có những hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật của quốc gia mà họ mang quốc tịch. Thông thường họ phạm những tội có tính chất phản quốc, không còn xứng đáng với danh hiệu công dân nữa.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

4. Chấm dứt mối quan hệ quốc tịch

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

c- Đương nhiên mất quốc tịch

Luật của các nước có qui định một số trường hợp người dân đương nhiên bị mất quốc tịch. Do vậy, đây là việc mất quốc tịch trên cơ sở những qui định của pháp luật.

Do gia nhập quốc tịch nước khác

Phục vụ trong lực lượng vũ trang nước ngoài

Tham gia vào bộ máy nhà nước của quốc gia khác.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

5. Bảo hộ công dân

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

a- Khái niệm

Nghĩa hẹp:

Bảo hộ công dân là hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nước mình ở nước ngoài khi các quyền và lợi ích hợp pháp đó bị xâm phạm ở nước ngoài đó (*bảo hộ ngoại giao*)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

5. Bảo hộ công dân

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

Nghĩa rộng:

Hoạt động bảo hộ công dân còn bao gồm các hoạt động giúp đỡ về mọi mặt mà Nhà nước dành cho công dân mình đang ở nước ngoài, kể cả trong trường hợp không có hành vi xâm hại nào tới các công dân của mình.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

5. Bảo hộ công dân

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

b- Điều kiện bảo hộ công dân

- Người được tiến hành bảo hộ phải mang quốc tịch của quốc gia bảo hộ trước thời điểm tiến hành bảo hộ.
- Phải có sự vi phạm pháp luật từ phía quốc gia sở tại gây thiệt hại cho công dân của quốc gia tiến hành bảo hộ.
- Người bị thiệt hại đã thực hiện đầy đủ những quy định của pháp luật tại nước sở tại nhưng vẫn không khôi phục được thiệt hại cho mình.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

5. Bảo hộ công dân

II. Các vấn đề pháp lý về quốc tịch

c- Các biện pháp bảo hộ

- *Biện pháp ngoại giao* có thể được thực hiện thông qua trung gian, hòa giải, thương lượng hoặc đàm phán.
- Các *biện pháp khác* như trừng phạt kinh tế , trừng phạt về ngoại giao, yêu cầu giải quyết bằng các cơ quan tài phán quốc tế ...

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Địa vị pháp lý của người nước ngoài

III. Một số vấn đề pháp lý về dân cư

a- Các chế độ pháp lý dành cho người nước ngoài

*** *Đãi ngộ như công dân***

Người nước ngoài được hưởng các quyền dân sự và lao động cơ bản ngang bằng với công dân của nước sở tại, trừ những trường hợp do pháp luật quốc gia quy định vì lợi ích hoặc an ninh như quyền hoạt động trong một số ngành nghề nhất định.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Địa vị pháp lý của người nước ngoài

III. Một số vấn đề pháp lý về dân cư

*** *Tối huệ quốc***

Thẻ nhân và pháp nhân nước ngoài ở nước sở tại được hưởng các quyền và ưu đãi mà các thẻ nhân và pháp nhân của bất kỳ một nước thứ ba nào đang được hưởng và sẽ được hưởng trong tương lai.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

1. Địa vị pháp lý của người nước ngoài

III. Một số vấn đề pháp lý về dân cư

* *Chế độ đãi ngộ đặc biệt*

Người nước ngoài được hưởng các quyền ưu đãi đặc biệt mà ngay cả công dân của nước sở tại cũng không được hưởng, đồng thời người nước ngoài không phải chịu trách nhiệm pháp lý mà công dân nước sở tại phải gánh chịu trong các trường hợp tương tự.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

2. Quyền cư trú chính trị trong LQT

III. Một số vấn đề pháp lý về dân cư

Khái niệm:

Cư trú chính trị (tị nạn chính trị) là việc một quốc gia cho những người đang bị truy nã ở ngay trên đất nước họ đang mang quốc tịch do những hoạt động và quan điểm về chính trị, khoa học và tôn giáo,....được phép nhập cảnh và cư trú ở ngay trên lãnh thổ nước mình.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

III. Một số vấn đề pháp

2. Quyền cư trú chính trị trong lý về dân cư

LQT

Đặc điểm:

- Việc cho phép một người nước ngoài được cư trú chính trị trên lãnh thổ của quốc gia mình là thuộc thẩm quyền của mỗi quốc gia và đây cũng được coi như là những công việc nội bộ của quốc gia đó.
- Người nước ngoài cư trú chính trị không bắt buộc phải nhập quốc tịch của nước sở tại .

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

III. Một số vấn đề pháp

2. Quyền cư trú chính trị trong lý về dân cư

LQT

- Người nước ngoài cư trú chính trị thông thường được hưởng những quyền ngang với những người nước ngoài khác.
- Người nước ngoài cư trú chính trị sẽ được quốc gia cho phép mình cư trú chính trị bảo hộ ngoại giao, tức là bảo vệ quyền lợi trong khi họ đang cư trú tại một nước thứ ba.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

III. Một số vấn đề pháp

2. Quyền cư trú chính trị trong lý về dân cư

LQT

- Họ có quyền được đảm bảo về an ninh tức là quyền được đảm bảo không bị dẫn độ và trục xuất theo yêu cầu của nước mà họ là công dân.
- Nếu quốc gia nào cho phép một người được cư trú chính trị trên lãnh thổ quốc gia mình quốc gia đó phải chịu trách nhiệm về hành vi đó của người ấy trước các quốc gia mà từ đó người ấy đã ra đi.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

III. Một số vấn đề pháp

2. Quyền cư trú chính trị trong lý về dân cư

LQT

C. Điều kiện hưởng cư trú chính trị:

- Có sự bất đồng về quan điểm hoặc có những hoạt động về chính trị, khoa học, tôn giáo ở ngay chính nước họ.
 - Đang bị truy đuổi tại chính nước họ.
- Các quốc gia không được dành quyền tỵ nạn chính trị cho:
- + Những cá nhân phạm tội ác quốc tế (tội ác chiến tranh, tội ác diệt chủng...)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

III. Một số vấn đề pháp lý về dân cư

2. Quyền cư trú chính trị trong LQT

- + Những cá nhân phạm tội hình sự quốc tế (không tặc, buôn bán ma túy,...)
- + Những cá nhân phạm tội hình sự mà việc dẫn độ đã được quy định trong các điều ước quốc tế song phương và đa phương.
- + Những cá nhân có hành vi trái với mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

III. Một số vấn đề pháp lý về dân cư

3. Vấn đề dẫn độ đối với người nước ngoài

- Dẫn độ là việc một nước chuyển giao cho nước khác người có hành vi phạm tội hoặc người bị kết án hình sự đang có mặt trên lãnh thổ nước mình để được chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đối với người đó.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

3. Vấn đề dẫn độ đối với người nước ngoài

III. Một số vấn đề pháp lý về dân cư

- Từ chối dẫn độ tội phạm là việc một quốc gia từ chối không giao công dân nước mình có hành vi phạm tội hoặc bị kết án hình sự ở nước ngoài mà đang có mặt trên lãnh thổ nước mình cho quốc gia khác truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đối với người đó

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

IV. Bảo vệ quốc tế quyền con người

- 1- Lịch sử vấn đề quyền con người:
- 2- Các quyền con người cơ bản
 - a- Quyền dân sự – chính trị
 - b- Quyền kinh tế, xã hội, văn hóa
- 3- Cơ chế quốc tế bảo vệ quyền con người
 - a- Trong khuôn khổ LHQ
 - b- Trong khuôn khổ các điều ước quốc tế

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

**Chương 6:
LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG
LUẬT QUỐC TẾ**

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

**LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG
LUẬT QUỐC TẾ**

**A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ
LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Lý do nghiên cứu

- 1
 - không chỉ là vấn đề riêng của một nước mà nó còn có liên quan thiết thực đến quyền và lợi ích của các quốc gia khác.
 - Không một quốc gia nào được phép tự ý thiết lập đường biên giới mà không có sự thoả thuận của các quốc gia láng giềng.
- 2
 - Lãnh thổ biên giới là của quốc gia, nhưng nó cũng là một bộ phận không thể tách rời của môi trường chung của cộng đồng quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Nội dung điều chỉnh

- Xác lập lãnh thổ quốc gia;
- Xây dựng quy chế pháp lý cho các vùng lãnh thổ.
- Xác định quy chế giải quyết tranh chấp về biên giới, lãnh thổ giữa các quốc gia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Nguồn luật điều chỉnh

Điều ước quốc tế song phương, đa phương:

- Hiến chương Liên Hợp Quốc
- Công ước 1982 về Luật Biển
- Các hiệp định về biên giới giữa các nước với nhau

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

Ví dụ:

- Hiệp định về biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc năm ngày 30/12/1999
- Hiệp định phân định Vịnh Bắc bộ ngày 25/12/2000.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

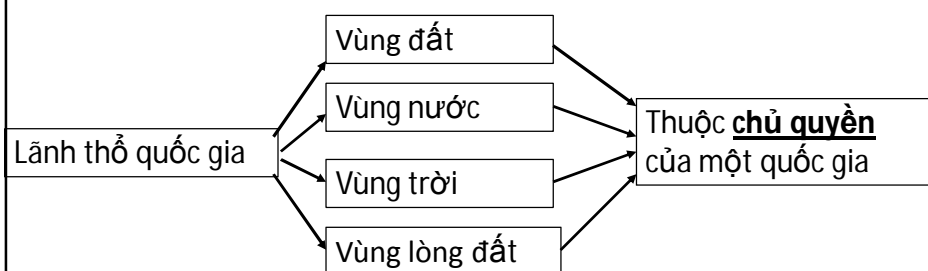
I. LÃNH THỔ QUỐC GIA

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

1. Khái niệm

a. Định nghĩa



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

1. Khái niệm

- Chủ quyền:
 - Chủ quyền hoàn toàn tuyệt đối.
 - Chủ quyền hoàn toàn đầy đủ.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

1. Khái niệm

- Chủ quyền hoàn toàn tuyệt đối của quốc gia đối với lãnh thổ là việc quốc gia là chủ thể duy nhất có toàn quyền quyết định một vấn đề gì đó liên quan đến lãnh thổ của mình, không một chủ thể nào khác có quyền can thiệp hay xâm phạm chủ quyền này.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

1. Khái niệm

- Chủ quyền hoàn toàn đầy đủ là chủ quyền của quốc gia đối với một vùng lãnh thổ nhất định trong đó, thẩm quyền của quốc gia bị hạn chế phần nào do việc thực hiện quyền của các quốc gia khác trên vùng lãnh thổ đó.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

1. Khái niệm

b. Ý nghĩa

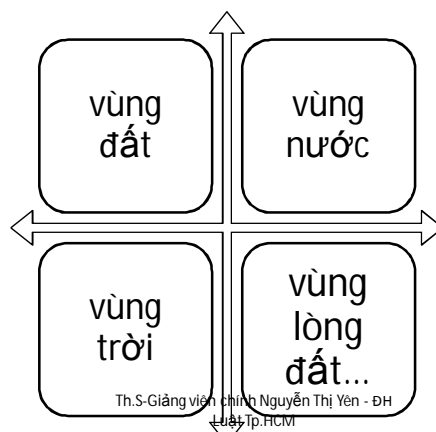
- Lãnh thổ quốc gia là cơ sở vật chất cần thiết cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của quốc gia - chủ thể của Luật quốc tế.
- Lãnh thổ quốc gia xác định một không gian quyền lực của quốc gia đối với một cộng đồng dân cư ổn định.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

Lãnh thổ quốc gia có 4 bộ phận tự nhiên cấu thành:



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

a.Vùng đất

- Vùng bao gồm toàn bộ đất liền và các hải đảo của quốc gia. (Bao gồm cả đảo gần bờ và đảo xa bờ).
- Vùng đất là quan trọng nhất, là nơi chủ yếu quốc gia thực hiện chủ quyền của mình.
- Là nơi xuất phát của chủ quyền quốc gia đối với vùng nước, vùng trời và vùng lòng đất.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

a.Vùng đất

- Trường hợp quốc gia quần đảo như Indonesia, Philippin... thì vùng đất của quốc gia là tập hợp các đảo thuộc chủ quyền của quốc gia đó.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

a.Vùng đất

- Thuyết lãnh thổ kế cận (Res nullius): khi một quốc gia có chủ quyền trên một lãnh thổ, quốc gia đó cũng sẽ có chủ quyền trên những vùng lãnh thổ vô chủ kế cận những quốc gia có đường biên giới giáp với Bắc Cực sẽ có chủ quyền đối với một bộ phận của Bắc cực là hình rỗng quạt mà tâm là đỉnh Bắc cực và đáy chính là lãnh thổ của quốc gia đó

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

a.Vùng đất

- Trường hợp “Lãnh thổ kín”, “lãnh thổ hải ngoại”.

- Le-xô-thô nằm gọn trong lòng Nam Phi
- Đảo Falkland Is Stanley ở gần cực Nam của châu Mỹ là lãnh thổ của nước Anh.
- French Guiana thuộc Pháp nằm ở phía Bắc Brazil

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

a.Vùng đất

- Tính chất chủ quyền: Vùng đất thuộc **chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối** của quốc gia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

b.Vùng nước

- Vùng nước là toàn bộ phần nước nằm phía trong đường biên giới quốc gia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

b.Vùng nước

- *Vùng nước nội địa*

→ Chủ quyền **hoàn toàn tuyệt đối**

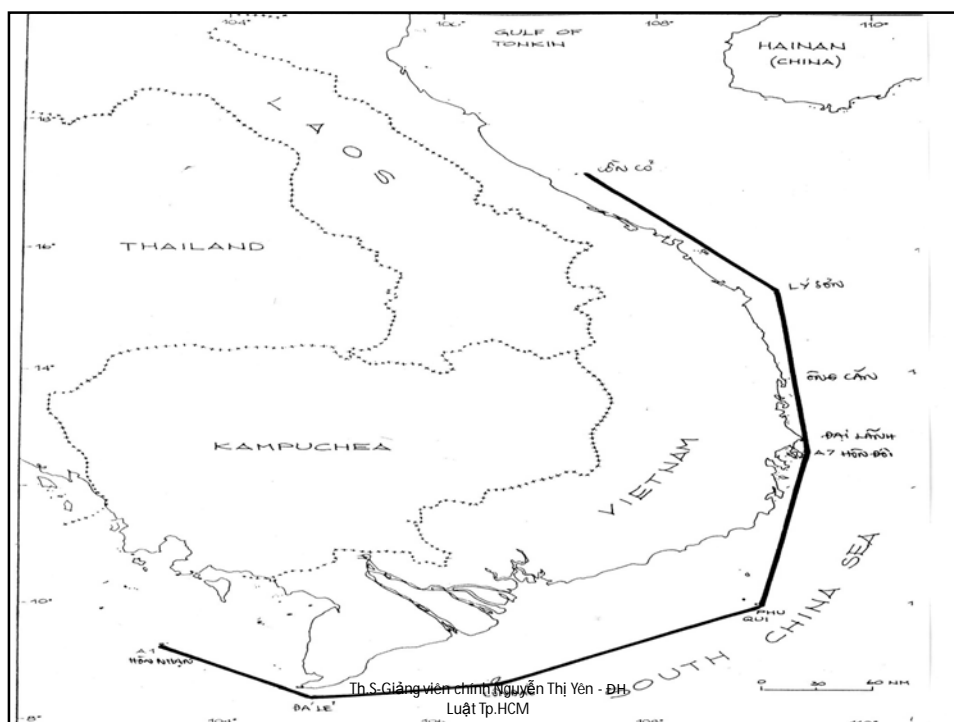
- *Vùng nước nội thủy*

- *Vùng nước biên giới*

→ Chủ quyền **hoàn toàn đầy đủ**

- *Vùng nước lãnh hải*

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia
2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

b.Vùng nước

- *Vùng nước lãnh hải* : Điều 17 Công ước 1982 về Luật Biển quy định tàu thuyền nước ngoài có quyền qua lại vô hại trên lãnh hải của quốc gia ven biển =>Quốc gia có chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ đối với vùng nước lãnh hải của mình.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

c.Vùng trời

- Vùng trời là khoảng không gian bao trùm trên vùng đất và vùng nước.
- Vùng trời thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và riêng biệt của quốc gia
- Hiện nay, độ cao của vùng trời là bao nhiêu Luật quốc tế không quy định. Các nước dựa trên trình độ khoa học kỹ thuật hàng không để tự xác định lấy độ cao vùng trời của mình.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

d.Vùng lòng đất

- Là toàn bộ phần nằm phía dưới vùng đất và vùng nước của quốc gia.
- Luật quốc tế chưa quy định độ sâu của lòng đất. Về nguyên tắc, các nước mặc nhiên thừa nhận vùng lòng đất có độ sâu kéo dài đến tận tâm trái đất.
- Thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối của quốc gia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

Lưu ý: Lãnh thổ di động (lãnh thổ bay/ lãnh thổ bơi)

- Khi máy bay, tàu biển, tàu vũ trụ, đường ống ngầm, cáp ngầm có mang cờ hoặc dấu hiệu riêng biệt của quốc gia đang nằm hoặc hoạt động ở vùng trời quốc tế, vùng biển quốc tế, khoảng không vũ trụ, châu Nam cực thì chúng được coi như một bộ phận lãnh thổ quốc gia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

3. Quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

a. Các học thuyết

- Thuyết tài vật
- Thuyết cai trị
- Thuyết thẩm quyền

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

3. Quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

b. Nội dung quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

- Quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ là thuộc tính không thể tách rời và vốn có của quốc gia. Nó biểu hiện quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm của quốc gia trên hai phương diện:

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

3. Quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

b. Nội dung quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

- Phương diện quyền lực
- Phương diện vật chất

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

3. Quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

b. Nội dung quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

- **Ngoại lệ:**

- Viên chức ngoại giao, lãnh sự được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ
- Văn bản pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế mà quốc gia là thành viên quy định không loại bỏ hiệu lực của pháp luật nước ngoài trong những trường hợp cụ thể, thì quốc gia cũng phải áp dụng pháp luật nước ngoài cho những trường hợp đó.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia là tổng hợp các quyền và nghĩa vụ của quốc gia đối với lãnh thổ của mình.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

- Nội dung quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia được thể hiện thông qua các văn bản pháp luật quốc gia cũng như Hiến chương Liên Hợp Quốc và các văn bản pháp lý quốc tế khác.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
 Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

- Quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội phù hợp với nguyện vọng của cộng đồng dân cư sống trên lãnh thổ
- Quyền tự do lựa chọn phương hướng phát triển đất nước, thực hiện những cải cách kinh tế - xã hội phù hợp với các đặc điểm của quốc gia.
- Quyền tự quy định chế độ pháp lý đối với từng vùng lãnh thổ của quốc gia;

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
 Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

- Quyền sở hữu hoàn toàn đối với tất cả tài nguyên thiên nhiên trong lãnh thổ của mình;
- Quốc gia thực hiện quyền tài phán của mình đối với mọi cá nhân, tổ chức, kể cả cá nhân tổ chức nước ngoài trong phạm vi lãnh thổ quốc gia hoặc cư trú trong phạm vi lãnh thổ quốc gia;

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
 Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

- Quốc gia có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thích hợp, điều chỉnh, kiểm soát các hoạt động của các pháp nhân và người nước ngoài, kể cả trong trường hợp quốc hữu hoá, tịch thu, trưng thu tài sản của tổ chức, cá nhân nước ngoài có bồi thường hoặc không có bồi thường;
- Quốc gia có quyền và nghĩa vụ trong việc cải tạo môi trường lãnh thổ quốc gia theo những nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế;

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
 Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

- Quốc gia có quyền quyết định sử dụng, thay đổi lãnh thổ phù hợp với pháp luật và lợi ích của cộng đồng dân cư sinh sống trên lãnh thổ đó.
- Quốc gia có quyền thực hiện mọi biện pháp cần thiết (kể cả các biện pháp vũ trang) để phòng thủ, bảo vệ, giữ gìn và quản lý lãnh thổ nhằm đảm bảo tính thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
I-Lãnh thổ quốc gia

5. Các hình thức thay đổi và xác lập lãnh thổ quốc gia

a. Thay đổi lãnh thổ quốc gia

Cơ sở của sự thay đổi lãnh thổ quốc gia

- Chỉ dựa trên cơ sở **quyền dân tộc tự quyết** quốc gia mới có thể tiến hành các hình thức thay đổi lãnh thổ khác nhau, từng phần lớn hoặc nhỏ, thậm chí cả việc thành lập một quốc gia mới.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

5. Các hình thức thay đổi và xác lập lãnh thổ quốc gia

a. Thay đổi lãnh thổ quốc gia

Các hình thức thay đổi lãnh thổ quốc gia

- **Phân chia**
- **Hợp nhất**
- **Sáp nhập**
- **Chuyển nhượng**
- **Theo một điều ước quốc tế đặc biệt**
- **Do các tác động tự nhiên**

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

5. Các hình thức thay đổi và xác lập lãnh thổ quốc gia

b. Các hình thức xác lập lãnh thổ trong lịch sử

- Thuyết quyền phát hiện
- Thuyết chiếm hữu trên danh nghĩa
- Nguyên tắc chiếm hữu thực sự

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

5. Các hình thức thay đổi và xác lập lãnh thổ quốc gia

b. Các hình thức xác lập lãnh thổ trong lịch sử

Nội dung nguyên tắc chiếm hữu thực sự

- Việc xác lập chủ quyền lãnh thổ phải do nhà nước tiến hành. Cá nhân không có quyền thiết lập chủ quyền lãnh thổ vì cá nhân không phải là chủ thể của quan hệ pháp luật quốc tế.
- Sự chiếm hữu phải được tiến hành một cách hoà bình trên một vùng lãnh thổ thật sự là vô chủ (res nullius) hoặc là đã được quốc gia làm chủ chủ động từ bỏ (derelicto).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

5. Các hình thức thay đổi và xác lập lãnh thổ quốc gia

b. Các hình thức xác lập lãnh thổ trong lịch sử

Nội dung chính :

- Quốc gia chiếm hữu trên thực tế phải thực hiện những hành động chủ quyền ở mức độ tối thiểu phù hợp với các điều kiện tự nhiên và dân cư trên vùng lãnh thổ đó.
- Việc thực hiện chủ quyền phải liên tục trên vùng lãnh thổ đó.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

• II-Biên giới quốc gia

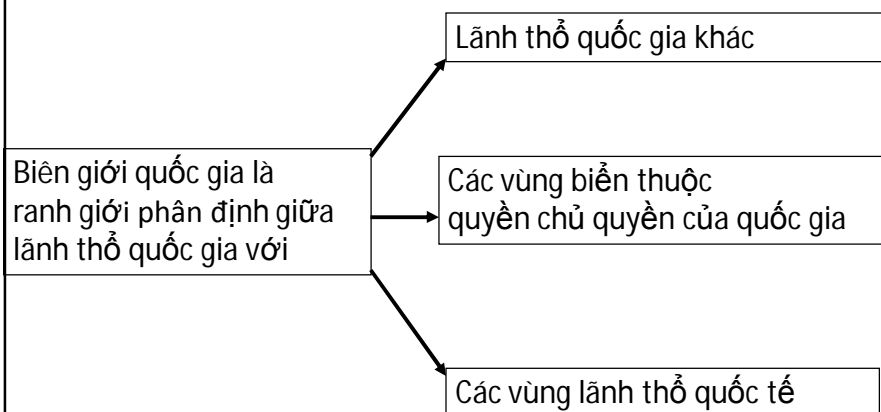
Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

1. Khái niệm

a. Định nghĩa



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

1. Khái niệm

b. Ý nghĩa của biên giới quốc gia

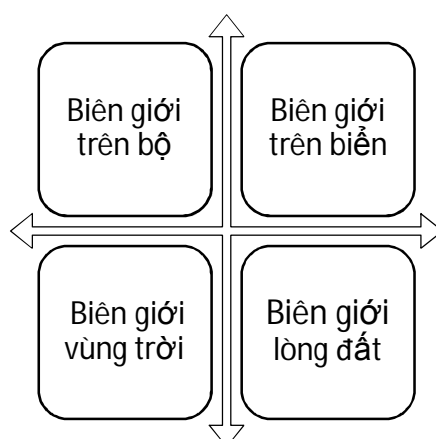
- Đóng vai trò là đường phân định một cách rõ ràng, chính xác lãnh thổ quốc gia với các vùng khác không thuộc lãnh thổ quốc gia.
- Biên giới gắn liền với sự tồn tại của quốc gia, là điều kiện cho an ninh quốc gia và là quyền lợi cơ bản của quốc gia.
- Sự ổn định của biên giới quốc gia là điều kiện đảm bảo cho hoà bình và an ninh quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

a. Biên giới quốc gia trên bộ

- Là đường biên giới trên đất liền, trên đảo, trên sông, trên hồ biên giới hoặc trên biển nội địa.
- Có rất ít các quy định chung của luật quốc tế liên quan đến việc hoạch định biên giới quốc gia trên bộ.
- Về nguyên tắc, các quốc gia **tự thỏa thuận** với nhau để xác định biên giới trên bộ.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

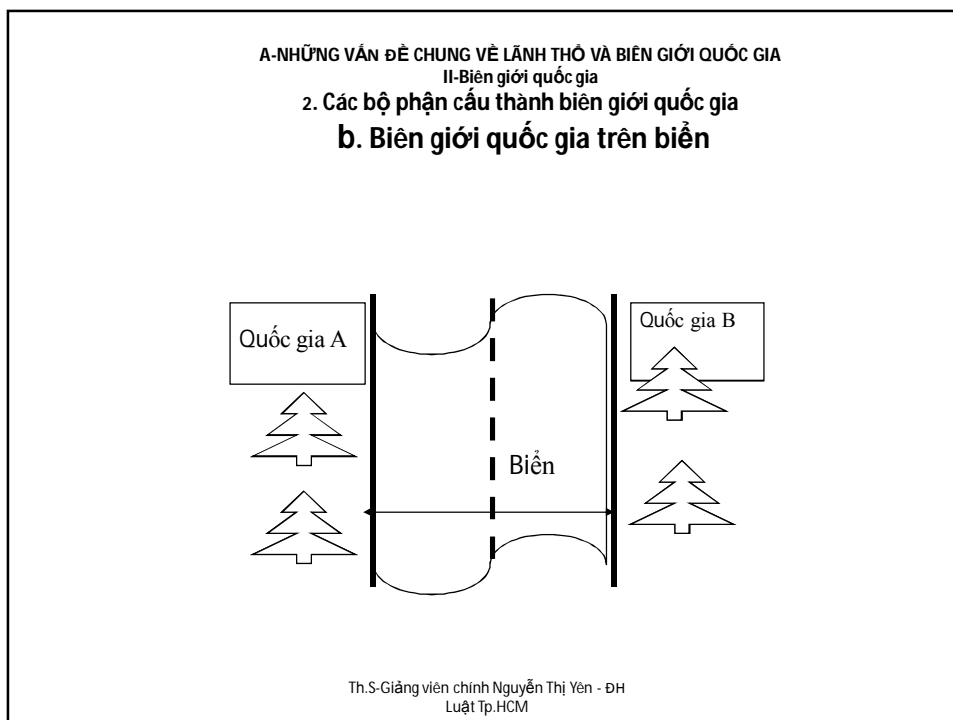
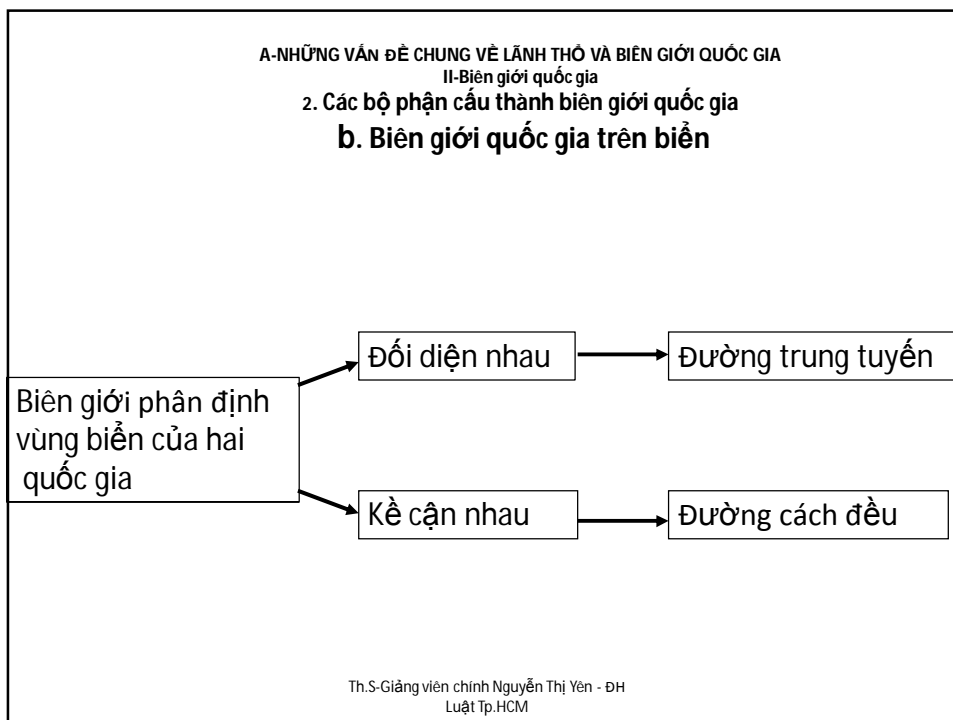
b. Biên giới quốc gia trên biển

Biên giới trên biển là
ranh giới phân định vùng biển
thuộc chủ quyền của quốc gia với

Vùng biển thuộc chủ quyền
của quốc gia khác

Vùng biển thuộc
quyền chủ quyền của quốc gia

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

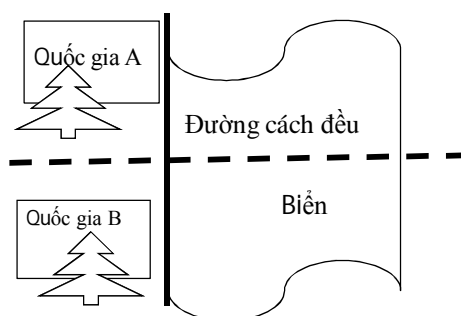


A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

b. Biên giới quốc gia trên biển



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

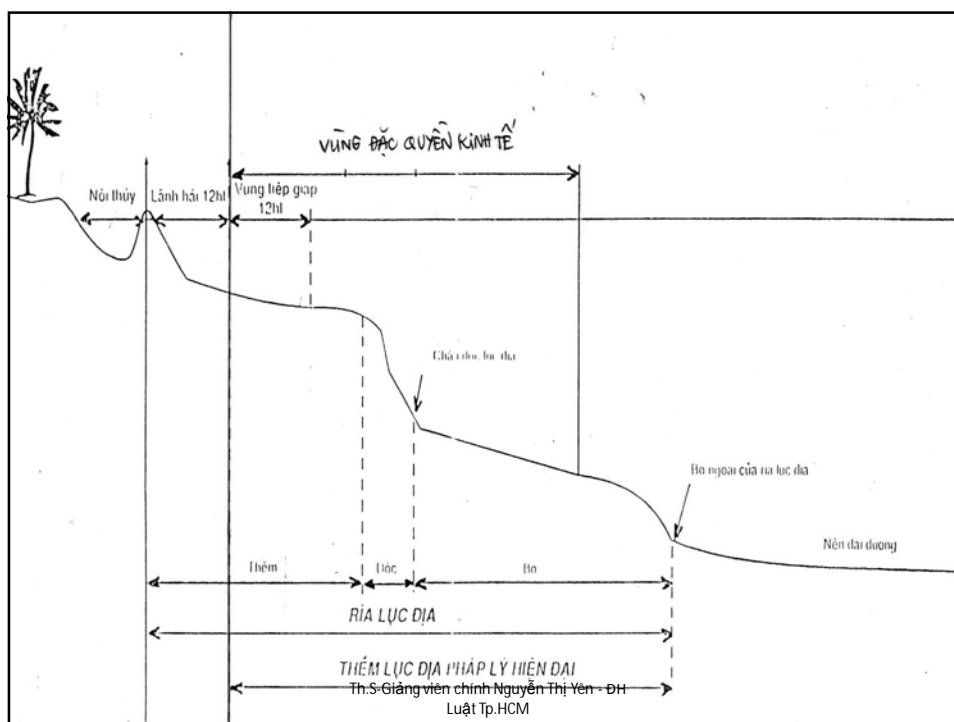
II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

b. Biên giới quốc gia trên biển

- Đường biên giới phân định vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia ven biển với những vùng biển khác thuộc quyền chủ quyền của quốc gia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

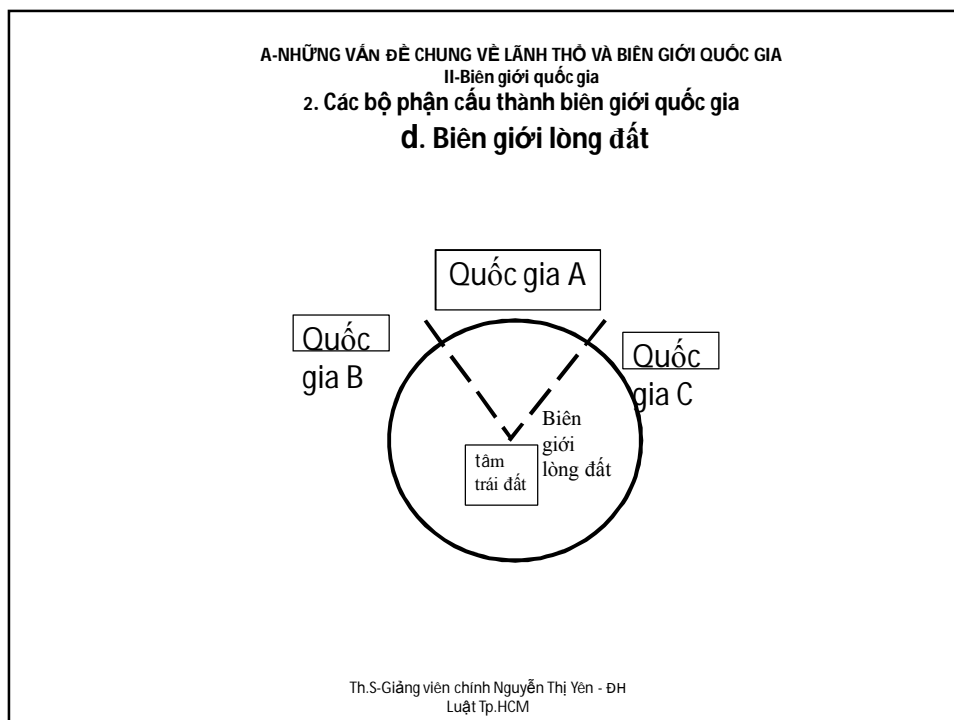
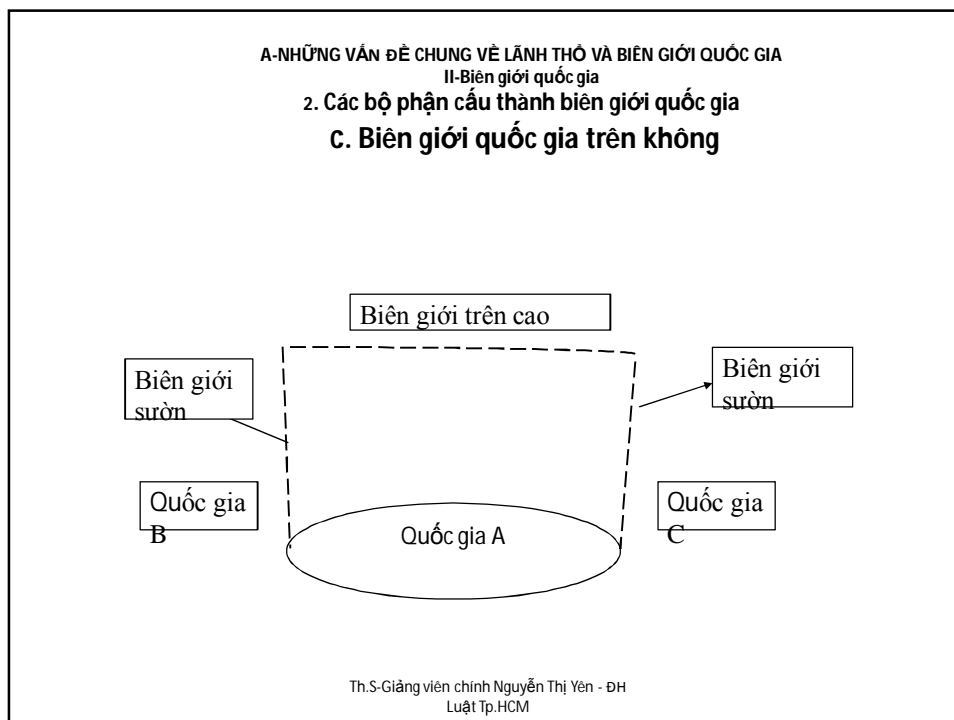
II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

c. Biên giới quốc gia trên không

- Là biên giới vùng trời. Bao gồm:
 - Biên giới sườn
 - Biên giới trên cao

Th.S Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
II-Biên giới quốc gia
3. Các kiểu biên giới quốc gia
a- Biên giới theo địa hình

Là kiểu biên giới được xác định dựa vào địa hình thực tế như núi, sông, hồ...

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
II-Biên giới quốc gia
3. Các kiểu biên giới quốc gia
b-Biên giới hình học

- Là kiểu biên giới được xác định **bằng các đường thẳng nối các điểm đã được xác định** từ trước hoặc các **đường vòng cung** mà tâm điểm và bán kính đã được xác định từ trước.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

3. Các kiểu biên giới quốc gia

c- Biên giới thiên văn

- Là kiểu biên giới được xác định theo các đường kinh tuyến, vĩ tuyến.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

4. Xác định biên giới quốc gia

a- Nguyên tắc xác định

- Nguyên tắc bình đẳng thoả thuận
- Nguyên tắc hoạch định đường biên giới mới
- Nguyên tắc Uti Possidetis.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
II-Biên giới quốc gia

4. Xác định biên giới quốc gia
b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Gồm ba giai đoạn sau:

1. Hoạch định biên giới;
2. Phân giới thực địa;
3. Cắm mốc.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
II-Biên giới quốc gia

4. Xác định biên giới quốc gia
b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ
Giai đoạn hoạch định biên giới quốc gia:

- Đây là giai đoạn chủ yếu mang tính lý thuyết, trong đó việc quan trọng nhất là các quốc gia hữu quan phải cùng nhau thỏa thuận xác định đường biên giới trên văn bản điều ước, kèm theo các tài liệu cần thiết và bản đồ mô tả chi tiết đường biên giới.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Giai đoạn hoạch định biên giới quốc gia:

- Phải đưa ra được các nguyên tắc làm cơ sở cho việc xác định biên giới quốc
- Các điểm được lựa chọn để xác định vị trí, hướng đi của đường biên giới phải rõ ràng, tránh mơ hồ hay gây khó dễ, gây tranh chấp trong quá trình phân giới, cắm mốc sau này.

→ Kết quả của giai đoạn này là một điều ước quốc tế về xác định biên giới được ký kết giữa hai nước

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Giai đoạn phân giới thực địa

- Là giai đoạn thực địa hoá đường biên giới trên hiệp định

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
II-Biên giới quốc gia

4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Giai đoạn cắm mốc

- Tiến hành cắm cột mốc lên những điểm đã được xác định
- Sau khi hoàn tất các giai đoạn trên, các bên phải vẽ lại toàn bộ sơ đồ, vị trí tọa độ của các cột mốc.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
II-Biên giới quốc gia

4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Một số trường hợp đặc biệt trong việc xác định biên giới quốc gia trên bộ

Biên giới trên sông:

- Đối với sông không sử dụng cho giao thông đường thủy: thường là đường trung tuyến của con sông.
- Đối với sông sử dụng cho giao thông đường thủy: thường xác định theo dòng chảy của con sông (hay còn gọi là đáy lũng), nghĩa là theo điểm giữa dòng nước nơi tàu thuyền có thể đi lại được.
- Nếu sông có nhiều nhánh: xác định đường biên giới trên nhánh chính.
- Đối với sông có cầu bắc ngang: thường xác định đường biên giới trên cầu nằm ở chính giữa cầu.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
II-Biên giới quốc gia

4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Một số trường hợp đặc biệt trong việc xác định biên giới quốc gia trên bộ

Xác định biên giới trên hồ:

- Trong trường hợp các quốc gia cùng giáp nhau ở một hồ biên giới, các bên sẽ thỏa thuận xác định tâm của hồ, sau đó nối các điểm biên giới trên bờ hồ của các quốc gia qua tâm của hồ để phân chia vùng hồ thuộc chủ quyền của mỗi bên.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
II-Biên giới quốc gia

4. Xác định biên giới quốc gia

d. Quá trình xác định biên giới vùng trời và lòng đất

- Biên giới vùng trời và biên giới lòng đất được xác định dựa trên biên giới trên bộ và biên giới trên biển, được các quốc gia công nhận và tuân thủ như một tập quán quốc tế.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
II-Biên giới quốc gia

5. Chế độ pháp lý biên giới quốc gia.

a- Nguyên tắc bất khả xâm phạm biên giới quốc gia

- Nghiêm cấm xâm chiếm lãnh thổ quốc gia
- Biên giới quốc gia là bất khả xâm phạm
- Không được sử dụng lãnh thổ quốc gia khi không có sự đồng ý của quốc gia đó.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
II-Biên giới quốc gia

5. Chế độ pháp lý biên giới quốc gia.

b- Nguồn luật áp dụng

- Các điều ước quốc tế đa phương
 - Hiến chương Liên hợp quốc
 - Công ước 1982 về luật biển
- Các điều ước quốc tế song phương
 - Hiệp định phân định biên giới giữa các nước
- Pháp luật của các quốc gia

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

5. Chế độ pháp lý biên giới quốc gia.

C-Nội dung chế độ pháp lý biên giới quốc gia

- Những nguyên tắc và quy định chung về biên giới quốc gia
- Quy chế biên giới như: Quy chế qua lại, hoạt động ở khu vực biên giới, quy chế sử dụng nguồn nước, sử dụng sông suối biên giới, khai thác tài nguyên...
- Quy chế quản lý, bảo vệ biên giới.
- Quy chế giải quyết tranh chấp nảy sinh ở khu vực biên giới

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
III-Chế độ pháp lý các vùng lãnh thổ quốc tế (Sinh viên tự nghiên cứu)

1. Vùng trời quốc tế

a. Định nghĩa

- **Vùng trời quốc tế là khoảng không gian bên ngoài bao trùm trên vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế của các quốc gia, vùng biển quốc tế, châu Nam cực và khoảng không gian phía trên vùng trời quốc gia.**

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
III-Chế độ pháp lý các vùng lãnh thổ quốc tế

1. Vùng trời quốc tế

b. Quy chế pháp lý

Phương tiện bay của tất cả các quốc gia đều được quyền tự do bay trên không phận quốc tế. Khi bay trên vùng trời quốc tế, các phương tiện bay này chỉ chịu quyền tài phán của quốc gia mà nó mang quốc tịch và phải tuân thủ các quy định đã được ghi nhận tại các điều ước quốc tế và các chuẩn mực của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).

(Công ước Chicago năm 1944).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
III-Chế độ pháp lý các vùng lãnh thổ quốc tế

2. Nam cực

- Nam cực là một phần của trái đất bao gồm Châu Nam cực, các đảo tiếp giáp với Châu Nam cực và các phần của Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương ở khu vực Nam cực với diện tích khoảng 50 triệu km².
- Đoạn 1, Điều 1 Công ước quốc tế Nam cực năm 1959 quy định: "Nam Cực chỉ được sử dụng hoàn toàn vào mục đích hoà bình. Nghiêm cấm các hoạt động mang tính chất vũ trang như xây dựng các căn cứ, công trình quân sự, không được phép tiến hành các hoạt động vũ trang cũng như việc thử bất kỳ loại vũ khí nào".

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN THUỘC CHỦ QUYỀN VÀ QUYỀN CHỦ QUYỀN QUỐC GIA

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CÁC VÙNG BIỂN **I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia** **1. Nội thủy**

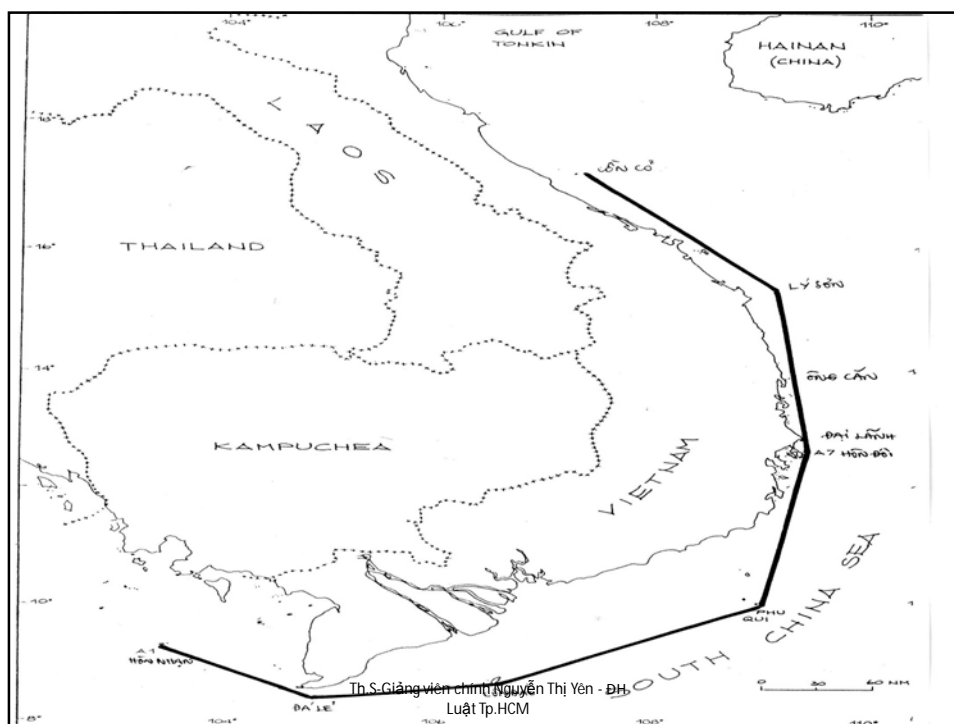
a. Khái niệm

- Nội thủy là vùng nước phía trong đường cơ sở và tiếp liền với bờ biển của quốc gia ven biển. (khoản 1 Điều 8, Công ước Luật Biển 1982)

b. Cách xác định

- Ranh giới phía trong của nội thủy là bờ biển
- Ranh giới ngoài của nội thủy là đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

c. Các phương pháp xác định đường cơ sở

- Đường cơ sở là “cột mốc pháp lý” được vạch dựa vào **ngấn nước thủy triều xuống thấp nhất** dọc theo chiều hướng chung của bờ biển hoặc là **đường thẳng gãy khúc nối liền các mũi, các đỉnh, các đảo ven bờ** để xác định chiều rộng các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
1. Nội thủy

- Phương pháp xác định đường cơ sở thông thường:
Là ngấn nước thủy triều xuống thấp nhất dọc theo bờ biển của quốc gia ven biển (Điều 5, Công ước 1982). Trong trường hợp những bộ phận đảo cấu tạo bằng san hô hoặc các đảo có đá ngầm ven bờ bao quanh, thì đường cơ sở là ngấn nước thủy triều xuống thấp nhất ở bờ phía ngoài cùng của các mỏm đá (Điều 6).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
1. Nội thủy

- Phương pháp đường cơ sở thẳng:
 - Khi bờ biển khúc khuỷu, bị khoét sâu và lồi lõm;
 - Khi có chuỗi đảo nằm sát và chạy dọc theo bờ biển;
 - Khi có những điều kiện tự nhiên đặc biệt gây ra sự mất ổn định của bờ biển như sự hiện diện của các châu thổ.
- Đường cơ sở thẳng của quốc gia ven biển: xác định bằng cách **nối các điểm nhô ra xa nhất của đường bờ biển khi ngấn nước thủy triều xuống thấp nhất, tạo thành các đường thẳng liên tiếp, gãy khúc.** (Điều 7).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
1. Nội thủy

Đường cơ sở của quốc gia có đường bờ biển khúc khuỷu

Đường cơ sở của quốc gia có chuỗi đảo ven bờ

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
1. Nội thủy

Đường cơ sở thẳng của quốc gia quần đảo

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

Yêu cầu của việc vạch đường cơ sở:

- Đường cơ sở không được vạch quá xa bờ và phải phù hợp với chiều hướng chung của bờ biển hoặc đường bao quanh quần đảo.
- Các điểm để xác định đường cơ sở phải là các điểm vật chất cụ thể. Các bãi cạn lúc chìm lúc nổi không được chọn là các điểm cơ sở trừ trường hợp ở đó có các đèn biển hoặc các thiết bị tương tự thường xuyên nhô cao hơn mặt nước biển hoặc việc vạch các đường cơ sở thẳng đó đã được sự thừa nhận chung của quốc tế.
- Không được vạch đường cơ sở sang lãnh hải nước khác, không vạch đường cơ sở làm lãnh hải của nước khác bị ngăn cách với biển cả hoặc với vùng đặc quyền kinh tế.
- Đường cơ sở có thể vạch đến những vùng mà lợi ích kinh tế riêng biệt của khu vực đó mà thực tế và tầm quan trọng của nó đã được một quá trình sử dụng lâu dài chứng minh rõ ràng

(Các Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 7 Công ước 1982)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

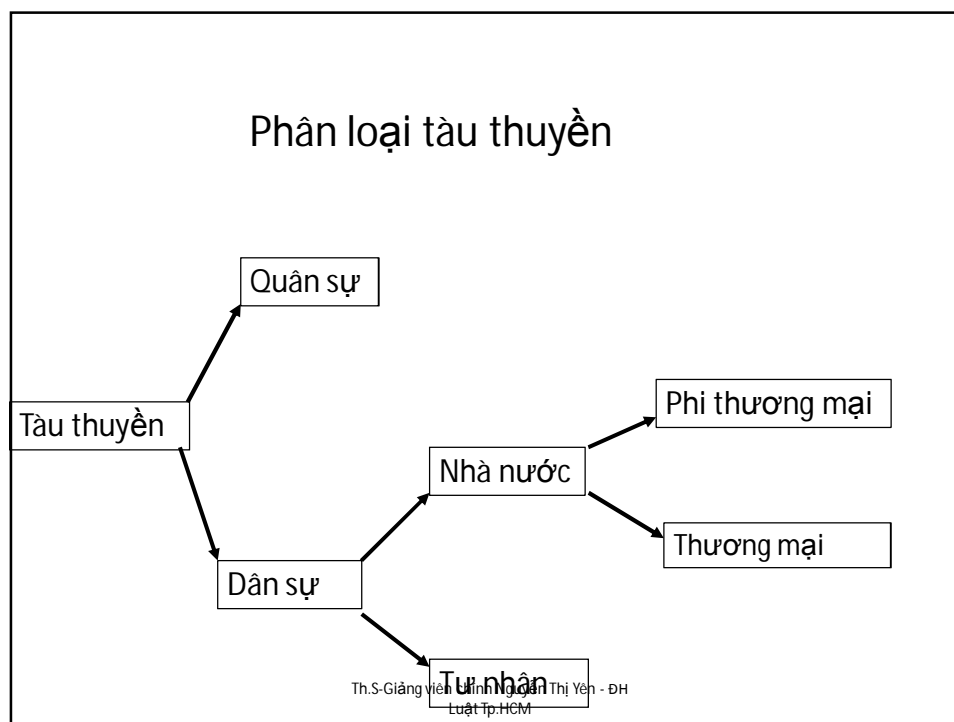
B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

- Vùng nội thủy thuộc chủ quyền hoàn toàn tuyệt đối của quốc gia ~~Mọi tàu~~ thuyền muốn qua lại vùng nội thủy phải xin phép quốc gia.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

- Tàu quân sự:
 - Thuộc lực lượng vũ trang của một quốc gia;
 - Mang dáng vẻ bên ngoài đặc trưng;
 - Do một sĩ quan hải quân chỉ huy;
 - Thủy thủ đoàn hoạt động theo điều lệnh, kỷ luật quân đội.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

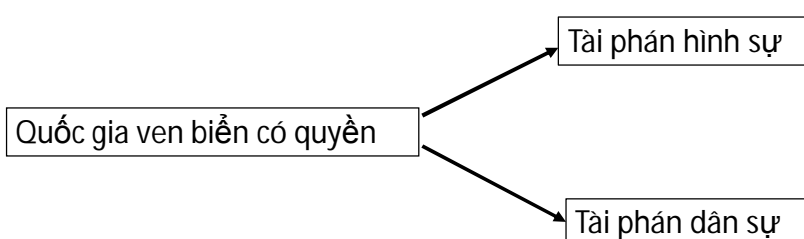
B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
1. Nội thủy

- Tàu quân sự và tàu nhà nước phi thương mại **được hưởng quyền bất khả xâm phạm, quyền miễn trừ tuyệt đối về tư pháp.**
- Trong trường hợp tàu này vi phạm pháp luật, quốc gia ven biển có quyền
 - Truy xuất con tàu vi phạm ra khỏi phạm vi lãnh thổ nước mình;
 - Yêu cầu quốc gia mà con tàu mang quốc tịch bồi thường thiệt hại;
 - Yêu cầu quốc gia mà con tàu mang quốc tịch phải áp dụng các biện pháp chế tài đối với thủy thủ vi phạm.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
1. Nội thủy

- Đối với tàu dân sự, tàu nhà nước sử dụng trong lĩnh vực thương mại:



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
1. Nội thủy

- **Quyền tài phán trong lĩnh vực hình sự**: Quốc gia ven biển có quyền áp dụng pháp luật nước mình trong việc bắt giữ, truy tố và đưa ra xét xử trước toà án nước mình đối với những thủy thủ trên tàu buôn nước ngoài phạm tội. Điều này áp dụng giống như trường hợp người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ của quốc gia ven biển.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
1. Nội thủy

- **Quyền tài phán trong lĩnh vực dân sự**: Quốc gia ven biển có quyền giải quyết các tranh chấp dân sự giữa các tàu dân sự, tàu buôn nước ngoài đậu trong nội thủy của mình hoặc giữa các thủy thủ của tàu nước ngoài với nhau hoặc với công dân nước mình khi được các bên đương sự yêu cầu.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
2. Lãnh hải

a. Định nghĩa

- Lãnh hải là vùng biển tiếp liền với nội thủy, nằm giữa một bên là nội thủy và một bên là các vùng biển thuộc quyền chủ quyền (quyền tài phán) của quốc gia. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải là đường biên giới của quốc gia ven biển.

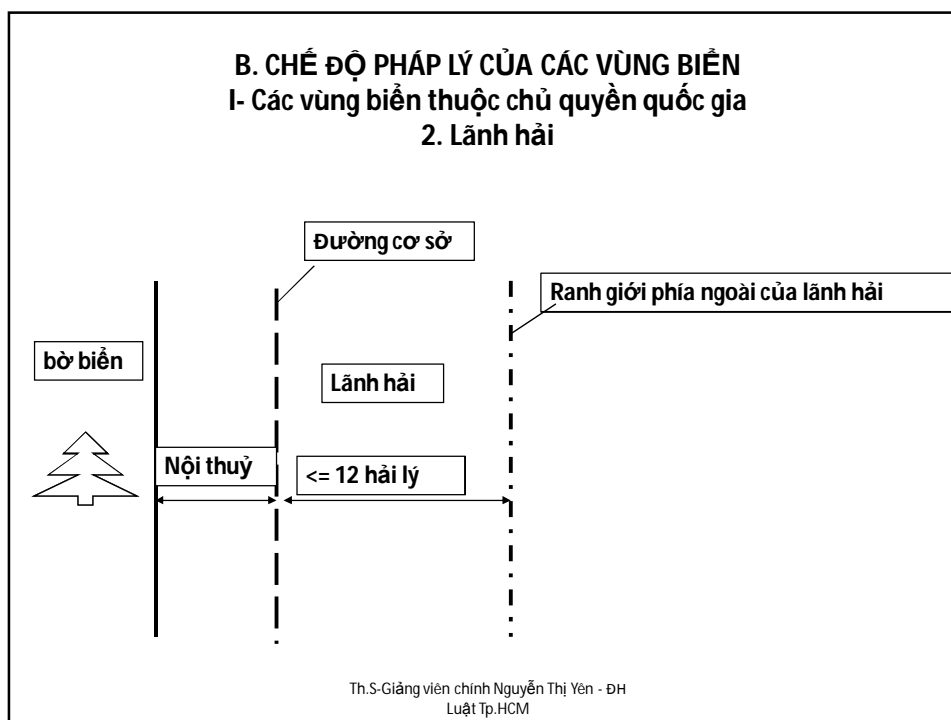
Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
2. Lãnh hải

b. Cách xác định

- Quốc gia có quyền ấn định chiều rộng của lãnh hải không vượt quá 12 hải lý kể từ đường cơ sở được xác định (Điều 3, Công ước 1982).
- Ranh giới phía trong của lãnh hải là đường cơ sở
- Ranh giới phía ngoài của lãnh hải là đường song song với đường cơ sở, cách đường cơ sở một khoảng cách không quá 12 hải lý.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
2. Lãnh hải

c. Quy chế pháp lý

- Quyền qua lại vô hại
 - Tàu thuyền của tất cả các quốc gia có biển hay không có biển đều được quyền qua lại không gây hại trong lãnh hải của quốc gia ven biển. (Điều 17 Công ước 1982).
 - Qua lại vô hại: được hiểu là qua lại không xâm phạm đến hoà bình, trật tự, an ninh của quốc gia ven biển.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
2. Lãnh hải

Các trường hợp qua lại gây hại:

- Đe dọa hoặc dùng vũ lực chống lại chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hoặc độc lập chính trị của quốc gia ven biển hay dùng mọi cách khác trái với các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế đã được nêu trong Hiến chương Liên Hợp Quốc;
- Luyện tập hoặc diễn tập với bất kỳ loại vũ khí gì;
- Thu thập tin tức tình báo gây thiệt hại cho quốc phòng hay an ninh của quốc gia ven biển;
- Tuyên truyền làm hại đến quốc phòng hay an ninh của quốc gia ven biển;
- ...vv

(Điều 19, Công ước 1982)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
2. Lãnh hải

- Quốc gia ven biển có thể tạm đình chỉ quyền qua lại vô hại của tàu thuyền nước ngoài tại lãnh hải của mình trong một số trường hợp nhất định nhưng với điều kiện là điều này phải áp dụng công bằng với tất cả tàu thuyền của tất cả các quốc gia, không được có sự phân biệt đối xử (Điều 25 Công ước 1982 về luật biển)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

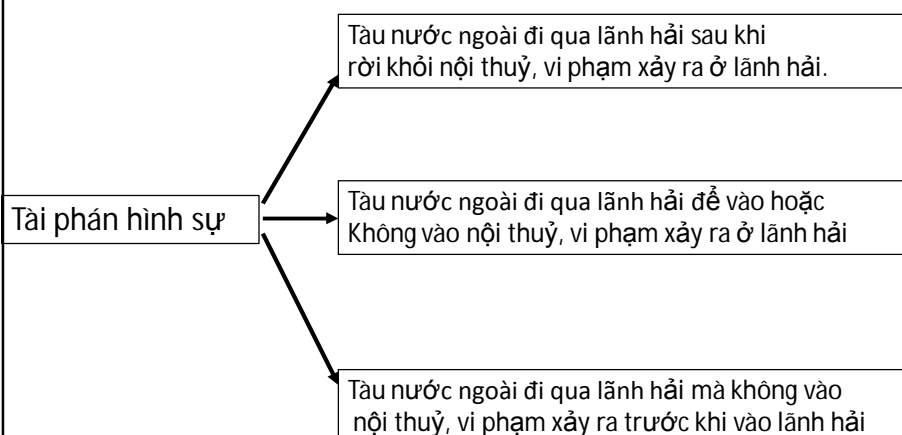
B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
2. Lãnh hải

Quyền tài phán của quốc gia ven biển trong lãnh hải

- Tàu quân sự và tàu nhà nước phi thương mại được hưởng quyền bất khả xâm phạm và quyền miễn trừ tư pháp tuyệt đối trong lãnh hải.
- Đối với tàu dân sự, tàu nhà nước sử dụng vào mục đích thương mại, quốc gia ven biển có quyền tài phán hình sự và tài phán dân sự.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
 Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia
2. Lãnh hải
C- Chế độ pháp lý



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
 Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

2. Lãnh hải

C- Chế độ pháp lý

- Tài phán dân sự: Quốc gia ven biển có quyền giải quyết các tranh chấp dân sự giữa các tàu buôn nước ngoài với nhau hoặc giữa các thành viên của tàu buôn nước ngoài đi qua lãnh hải sau khi rời khỏi nội thủy hoặc đang đậu trên lãnh hải của nước ven biển khi được yêu cầu. Trong các trường hợp khác, quốc gia ven biển không được quyền bắt tàu đó phải dừng lại hoặc thay đổi hành trình chỉ với mục đích xét xử dân sự đối với một thành viên trên tàu đó.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

- Quyền chủ quyền: Là quyền của quốc gia ven biển đối với các vùng biển không thuộc về lãnh thổ quốc gia, nhưng được Luật quốc tế quy định thuộc quyền khai thác, bảo vệ và thuộc thẩm quyền tài phán của quốc gia đó.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN**II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia****1. Vùng tiếp giáp lãnh hải****a. Định nghĩa:**

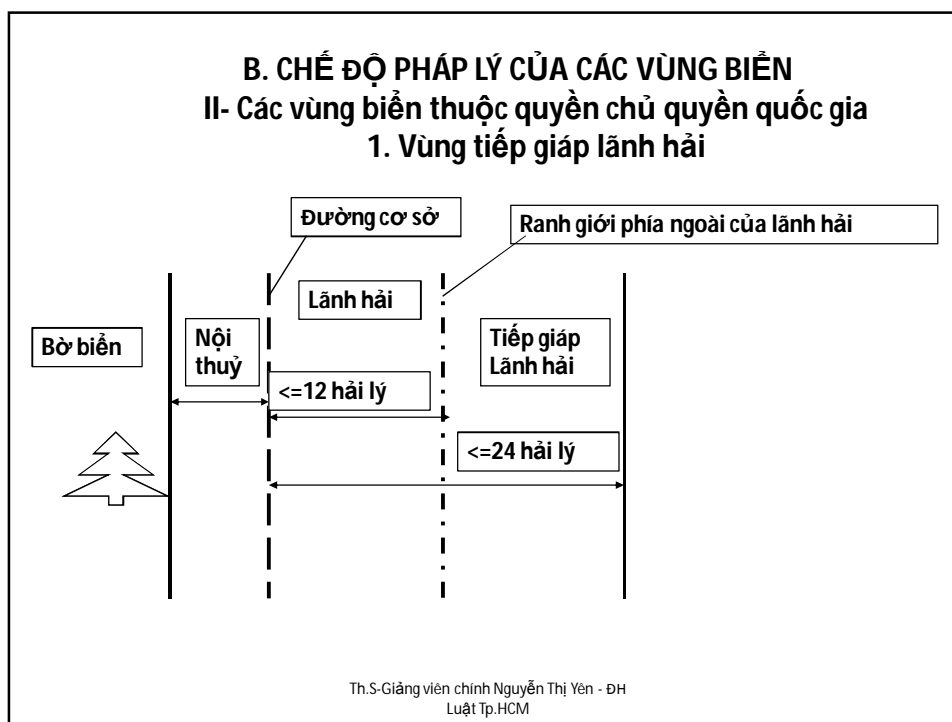
- Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền với lãnh hải và có chiều rộng không quá 24 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN**II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia****1. Vùng tiếp giáp lãnh hải****b. Cách xác định**

- Ranh giới phía trong của vùng tiếp giáp lãnh hải là ranh giới phía ngoài của lãnh hải
- Ranh giới phía ngoài của lãnh hải là đường song song với đường cơ sở, cách đường cơ sở một khoảng cách không quá 24 hải lý

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia
1. Vùng tiếp giáp lãnh hải

c. Quy chế pháp lý

Trên vùng tiếp giáp lãnh hải, quốc gia ven biển có quyền

- Ngăn ngừa những vi phạm đối với các luật và quy định về hải quan, thuế khoá, y tế, hay nhập cư trên lãnh thổ hay trên lãnh hải của mình.
- Trừng trị những vi phạm đối với các luật và quy định xảy ra trong lãnh thổ hay trên lãnh hải của mình.

(Điều 33, Công ước 1982 về Luật Biển).

Thẩm quyền của quốc gia ven biển trong vùng tiếp giáp lãnh hải mang tính chất cảnh giác, bảo vệ cho các vùng khác.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế

a. Định nghĩa

- Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển nằm phía ngoài lãnh hải và tiếp liền với lãnh hải, đặt dưới một chế độ pháp lý riêng, theo đó các quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển và các quyền và quyền tự do của các quốc gia khác đều do các quy định thích hợp của Công ước điều chỉnh. (Điều 55, Công ước 1982 về Luật Biển)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

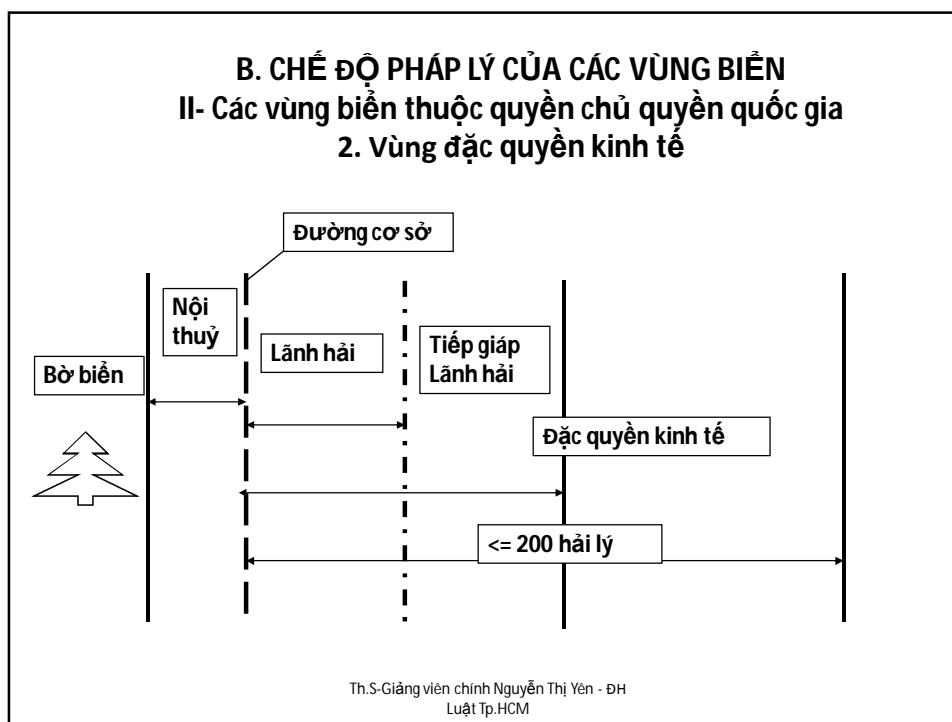
II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế

b. Cách xác định

- Vùng đặc quyền kinh tế có chiều rộng không quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải. (Điều 57)
- Ranh giới phía trong của vùng đặc quyền kinh tế là ranh giới phía ngoài của lãnh hải
- Ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế là đường song song với đường cơ sở, cách đường cơ sở một khoảng cách không quá 200 hải lý

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

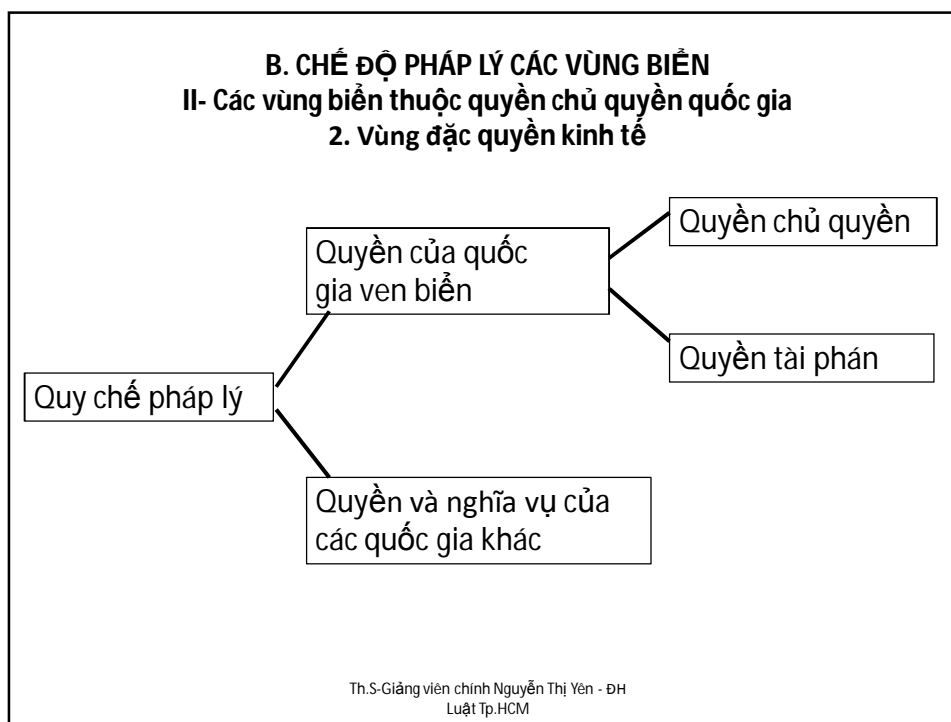


B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia
2. Vùng đặc quyền kinh tế

c. Quy chế pháp lý

- Vùng đặc quyền kinh tế nằm tiếp liền với lãnh hải nên quy chế pháp lý của nó cũng bao trùm lên quy chế pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải.
- Vùng đặc quyền kinh tế không phải là vùng hiển nhiên thuộc về quốc gia ven biển ngay từ đầu mà phải được quốc gia ven biển thể hiện bằng một tuyên bố đơn phương, phù hợp với các quy định trong Công ước 1982 về Luật Biển.

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

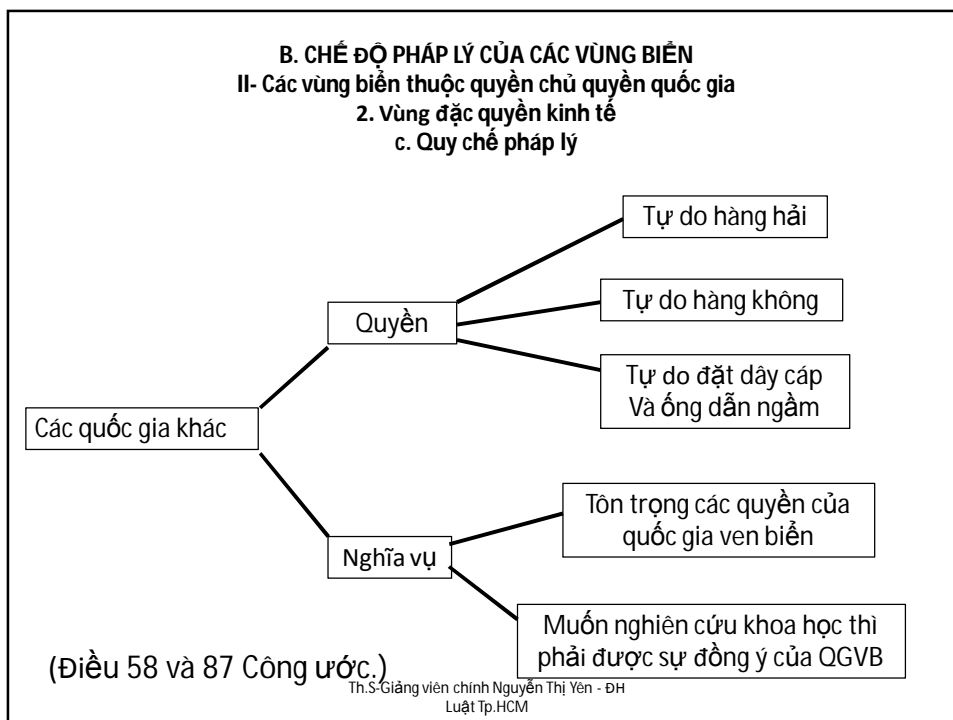
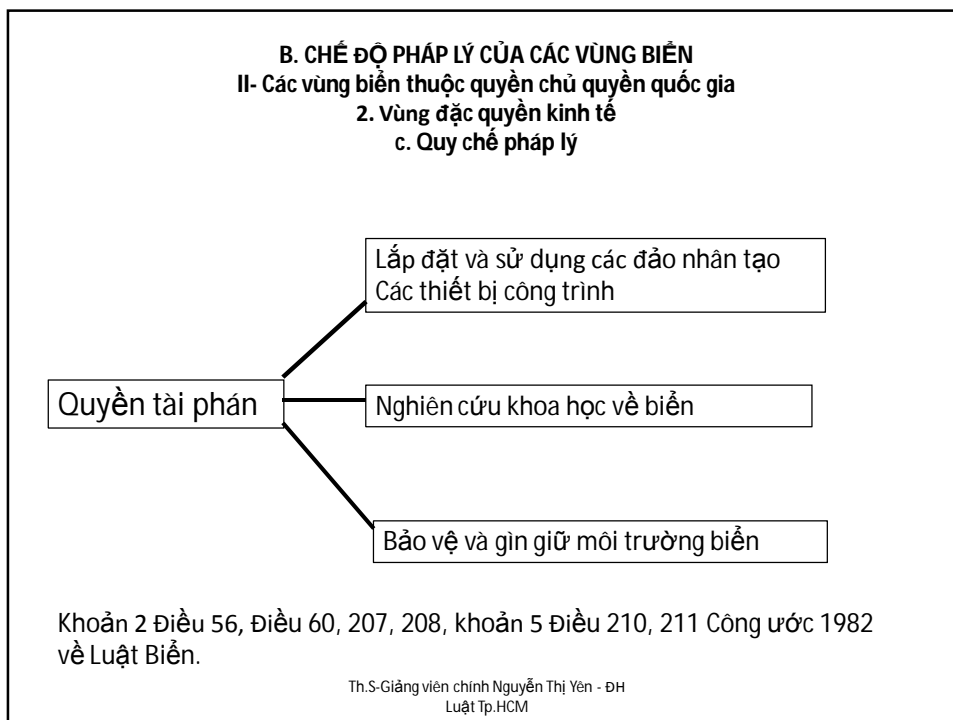


B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN
II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia
2. Vùng đặc quyền kinh tế
c. Quy chế pháp lý

Quyền chủ quyền của quốc gia ven biển:

- Trong vùng đặc quyền kinh tế, quốc gia ven biển có quyền chủ quyền trong việc thăm dò, khai thác, bảo tồn và quản lý các tài nguyên thiên nhiên, sinh vật hoặc không sinh vật của vùng nước trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, cũng như về các hoạt động khác nhằm thăm dò và khai thác vùng này vì mục đích kinh tế. (Khoản 1 Điều 56).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế

c. Quy chế pháp lý

- Các quốc gia không có biển hoặc quốc gia bất lợi về địa lý
Các quốc gia không có biển hoặc bất lợi về địa lý có quyền tiến hành các hoạt động khai thác số dư của khối lượng cá cho phép đánh bắt trong vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia ven biển, thông qua các điều ước quốc tế hoặc các thoả thuận có liên quan. (Điều 69, 70 Công ước).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thềm lục địa

a. Định nghĩa

Về mặt địa chất:

- Thềm lục địa là một bộ phận của lục địa. Đó là phần kéo dài ngập dưới nước của lục địa, bao gồm:
- Thềm lục địa: là phần tiếp liền với đất liền, có độ dốc thoải thoải trung bình 0,07 – 1°, thường kéo dài đến độ sâu khoảng 200m thì kết thúc.
- Dốc lục địa: là phần nằm giữa thềm lục địa và bờ lục địa, phân biệt với thềm lục địa bằng sự thay đổi độ sâu đột ngột, tạo thành một con dốc có độ nghiêng 4 -5°, đôi khi lên tới 45°. Dốc thường đạt đến độ sâu 3000 – 4000m.
- Bờ lục địa: là vùng tiếp theo dốc lục địa khi độ dốc thoải thoải trở lại và kéo dài cho đến khi gặp đáy đại dương. Bờ lục địa thường kéo dài từ 50 đến 500km. Điểm tiếp giáp giữa bờ lục địa và đáy đại dương là bờ ngoài của rìa lục địa

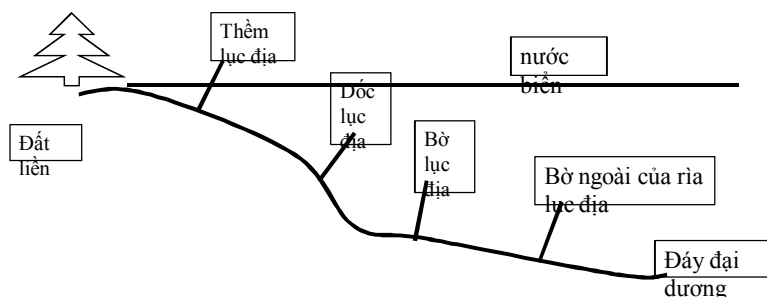
Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thêm lục địa

a. Định nghĩa



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thêm lục địa

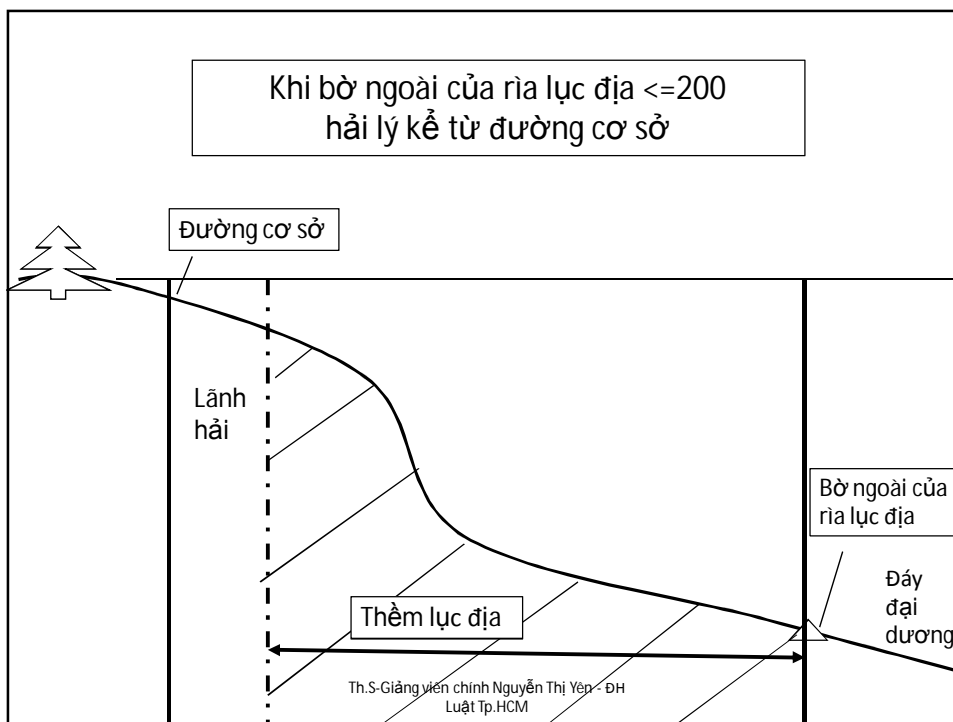
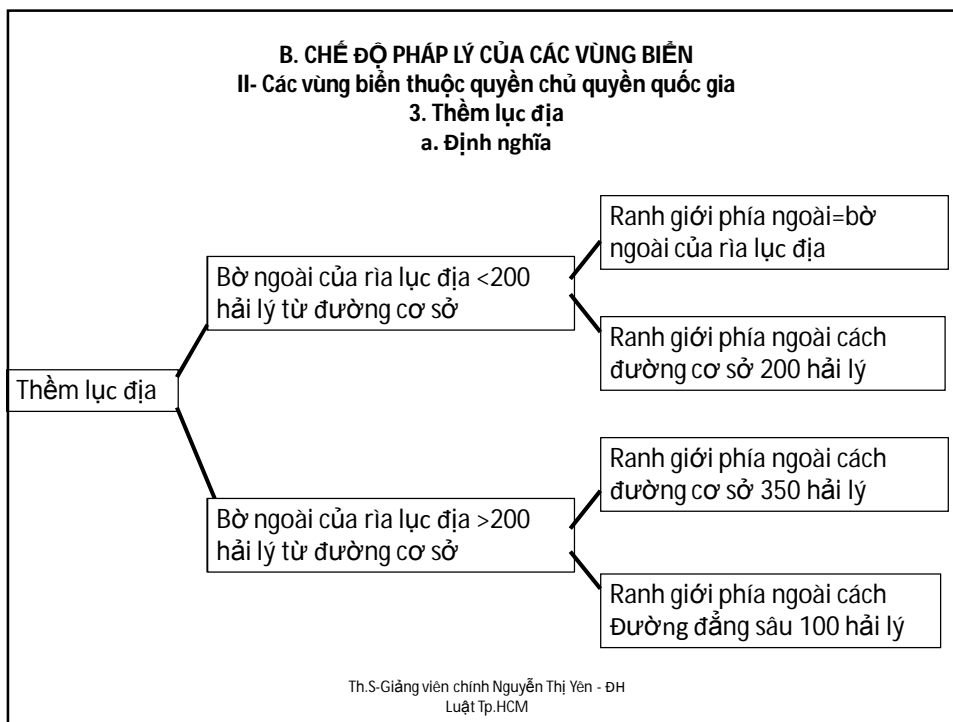
a. Định nghĩa

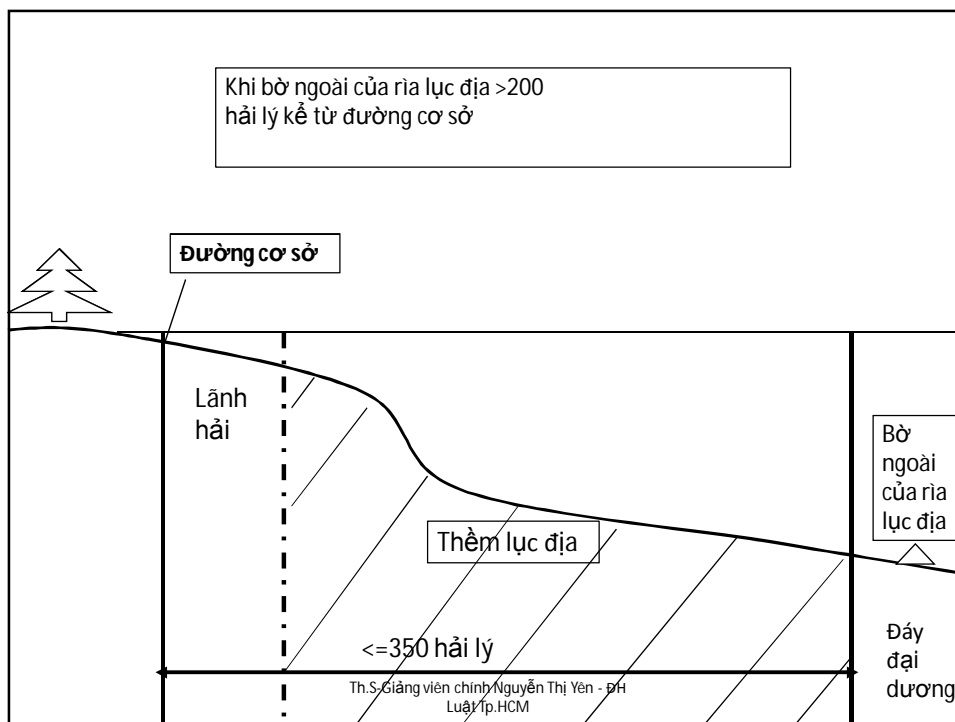
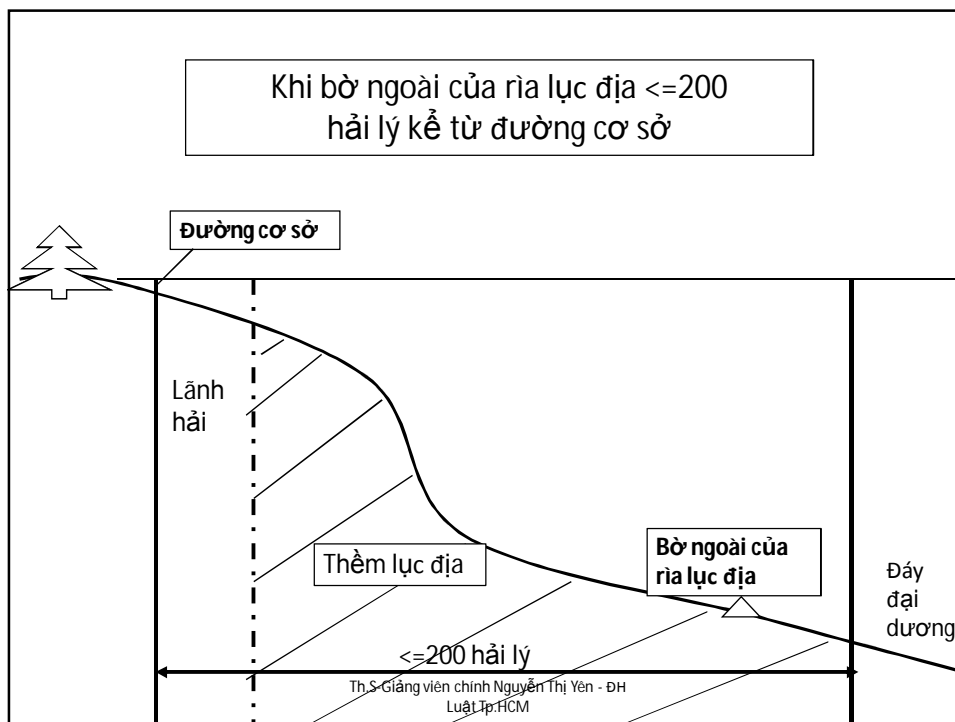
Về mặt pháp lý:

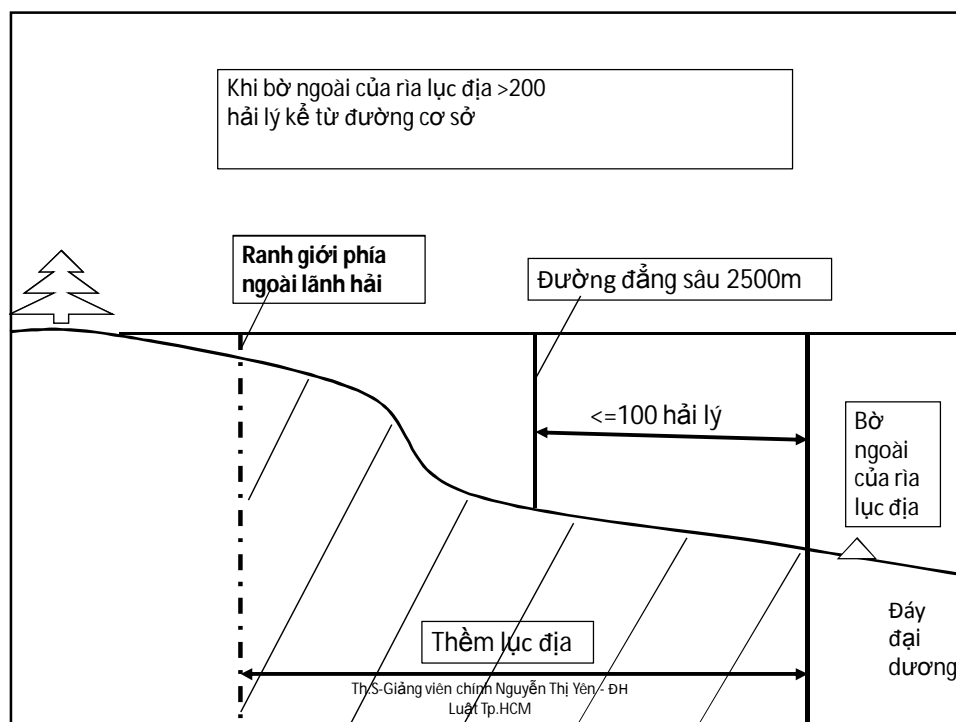
- Thêm lục địa của quốc gia ven biển bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển nằm bên ngoài lãnh hải của quốc gia ven biển kéo dài cho đến bờ ngoài cửa rìa lục địa hoặc đến cách đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải là 200 hải lý khi bờ ngoài cửa rìa lục địa ở khoảng cách gần hơn. Trong trường hợp bờ ngoài cửa rìa lục địa kéo dài vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở thì thêm lục địa của quốc gia ven biển cũng không được vượt quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc không được vượt quá 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2500m"

(Điều 76, Công ước 1982).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH Luật Tp.HCM







B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thêm lục địa

b. Cách xác định

- Sau khi xác định chính xác các tọa độ xác định giới hạn thêm lục địa, các quốc gia ven biển có nghĩa vụ gửi bản đồ và các tài liệu liên quan, kể cả các dữ kiện trắc địa, cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc để công bố các tài liệu này cho tất cả các nước thành viên.

Thêm lục địa có thể nằm trùng với đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của vùng đặc quyền kinh tế (Trong trường hợp bờ ngoài của rìa lục địa ≤ 200 hải lý), hoặc có một phần trùng với vùng này (khi bờ ngoài của rìa lục địa > 200 hải lý).

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thêm lục địa

c. Quy chế pháp lý của thêm lục địa

Tính chất pháp lý

- Thêm lục địa đương nhiên thuộc về quốc gia mà không cần bất kỳ sự tuyên bố, chiếm hữu thật sự hay danh nghĩa nào.

Khoản 3 Điều 77 Công ước 1982

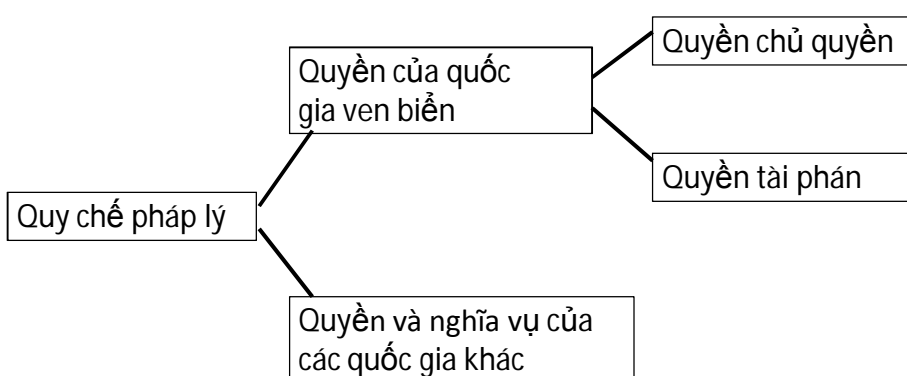
Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Thêm lục địa

c. Quy chế pháp lý



Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thềm lục địa

c. Quy chế pháp lý của thềm lục địa

Các quyền và nghĩa vụ của quốc gia ven biển

Quyền

- Thực hiện các quyền chủ quyền đối với thềm lục địa trong việc thăm dò, khai thác các tài nguyên thiên nhiên (Điều 77)
- Đặc quyền cho phép và điều chỉnh việc khoan ở thềm lục địa với bất kỳ mục đích nào. (Điều 81)
- Tiến hành hoặc áp dụng các biện pháp thích hợp để bảo vệ môi trường
- Xây dựng, cho phép và quy định thể thức, điều kiện xây dựng, khai thác, sử dụng các đảo nhân tạo (Điều 80)
- Có quyền tài phán đối với dây cáp và ống dẫn được đặt hoặc sử dụng trong khuôn khổ của việc thăm dò thềm lục địa của mình, hoặc của việc khai thác các đảo nhân tạo, các thiết bị hay công trình thuộc quyền tài phán của quốc gia này. (Điều 79, Khoản 4).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thềm lục địa

c. Quy chế pháp lý của thềm lục địa

Nghĩa vụ

- Không được cản trở các quyền tự do của các quốc gia khác trong vùng nước phía trên và vùng trời phía trên vùng nước đó. (Điều 78).
- Không được cản trở các quốc gia khác đặt dây cáp và ống dẫn ngầm trên thềm lục địa trừ trường hợp để ngăn ngừa và hạn chế ô nhiễm do ống dẫn ngầm gây ra. (Điều 79)
- Quốc gia ven biển khai thác các tài nguyên thiên nhiên nằm ngoài 200 hải lý kể từ đường cơ sở thì phải nộp các khoản đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật. (Điều 82).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thềm lục địa

c. Quy chế pháp lý của thềm lục địa

Các quyền và nghĩa vụ của quốc gia khác:

Quyền:

- Tự do hàng hải
- Tự do hàng không
- Tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm
- Tự do đánh bắt cá và nghiên cứu khoa học đối với lớp nước phía trên nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế

(Điều 78, Công ước 1982).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thềm lục địa

c. Quy chế pháp lý của thềm lục địa

Nghĩa vụ:

- Tôn trọng các quyền chủ quyền của quốc gia ven biển đối với khu vực thềm lục địa của họ.
- Khi đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm, các quốc gia phải tính đến các dây cáp và ống dẫn ngầm đã được đặt trước đó. Cần chú ý không làm phương hại đến khả năng sửa chữa các đường dây cáp và ống dẫn ngầm đó. (Điều 79, Khoản 5)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

III. Các vùng biển theo chế độ pháp lý quốc tế

1. Biển quốc tế

a. Khái niệm

- Biển quốc tế là tất cả những vùng biển không thuộc vùng đặc quyền kinh tế, lãnh hải hay nội thủy của một quốc gia nào cũng như không nằm trong vùng nước quần đảo của quốc gia quần đảo.

(Điều 86, Công ước Luật Biển 1982; Giáo trình trang 199)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

III. Các vùng biển theo chế độ pháp lý quốc tế

1. Biển quốc tế

b. Chế độ pháp lý

- Vùng biển quốc tế được để ngỏ cho mọi quốc gia dù có biển hay không có biển.
- Tất cả tàu thuyền trên vùng biển quốc tế đều có địa vị pháp lý ngang nhau.
- Các tàu quân sự của các quốc gia được quyền khám xét, bắt giữ các tàu thuyền khác trên biển quốc tế nếu nghi ngờ chiếc tàu đó tiến hành cướp biển, chuyên chở nô lệ, dùng vào các cuộc phát sóng không được phép, không có quốc tịch hoặc không treo quốc kỳ của quốc gia nào...

(Phần VII, Công ước 1982; Giáo trình, trang 199 – 200)

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

III. Các vùng biển theo chế độ pháp lý quốc tế

2. Vùng (Zone)

a. Khái niệm

- Vùng là toàn bộ đáy biển và lòng đất dưới đáy biển nằm bên ngoài giới hạn thẩm quyền tài phán của quốc gia.

b. Chế độ pháp lý của Vùng

- Vùng và tài nguyên của vùng là di sản chung của nhân loại. Mọi hoạt động trong Vùng phải được tổ chức một cách có hiệu quả dưới sự điều hành của một tổ chức quốc tế, tuân theo pháp luật và tập quán quốc tế. Vùng phải được sử dụng vào các mục đích hoà bình và an ninh quốc tế...

(Điều 131 -> 141, Công ước Luật Biển 1982, giáo trình trang 200).

Th.S-Giảng viên chính Nguyễn Thị Yên - ĐH
Luật Tp.HCM